

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

NGUYỆT-SAN



SỐ 13 RA NGÀY 15 THÁNG 8 ĐINH-DẬU



SONG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM XUẤT-BẢN

HUẾ QUANG

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

MỤC LỤC SỐ 13

RA NGÀY RĂM THÁNG TÁM ĐÌNH-DÂU

BƯỚC SANG NĂM THỨ HAI

P. G. V. N.

ĐẠO PHẬT VỚI NHÚNG VĂN-ĐỀ

SIÊU-HÌNH

THẠC-ĐỨC

VĂN-ĐỀ HOÀNG-PHÁP

THIỀU-CHI

NHẬN-XÉT VỀ TÂM-TRẠNG TÁC-GIẢ

CUNG-OÁN NGÂM-KHÚC

MINH-HẠNH

BẢN BÁO-CÁO CỦA NHÀ KHOA-HỌC

TRÍ-ĐỨC

THỐNG-NHẤT VÀ THỐNG-NHẤT

K. TÂM-NGUYỄN

ÂM-NHẠC PHẬT-GIÁO

NGUYỄN-HỮU-BA

SUỐI TỪ (Kịch)

VÓ-ĐÌNH-CƯỜNG

TÔI SÉ XIN RẰNG « TẤT CẢ »

NHẤT-HẠNH

VĂN-HỌC PHẬT-GIÁO

THẠC-ĐỨC

PHƯƠNG-PHÁP PHẬT-HỌC

TUỆ-UYỀN





TRUNG TÂM DỊCH THUẬT HUỆ QUANG

BƯỚC SANG NĂM THÚ' HAI

Thảm thoát, mới đó mà P.G.V.N. đã bước sang năm thứ hai. Mười hai số báo có là bao, nhưng đạo niêm của Phật tử toàn quốc cũng nhờ đấy mà được vững-vàng hơn, đạo tình muôn nơi cũng đã vì thế mà được thắt chặt hơn. Những lá thơ từ bốn phương bay về, khen ngợi có, khuyến khích có, xây dựng có, đã chứng tỏ một ý tình đoàn kết chân thành và một niềm tin tưởng không bền bờ đối với tương lai nền văn hóa Phật-giáo đất Việt.

Người độc-giả của P.G.V.N. không phải chỉ là người độc-giả : họ là những người tha thiết muốn xây-dựng cho P.G.V.N. về mọi mặt, cả tinh-thần lẫn vật-chất ; bởi vì họ biết rằng tờ Nguyệt-san thân mến của họ chính là hình bóng của nền Phật-giáo thống nhất mà họ đang yêu mến tôn thờ. Thế cho nên khắp bốn phương, người độc giả đã tự-ý cỗ-động không công cho tờ báo, tìm mọi cách tổ-chức phát-hành để cho tờ báo có mặt ở tận những thôn làng hẻo lánh, luôn luôn viết cho tòa-soạn những nhận xét và những ước mong... Được sự ủng-hộ dường ấy của độc giả mười phương thân mến, Nguyệt-san Phật-giáo Việt-Nam lẽ nào lại không cố-gắng để thực-hành cho trọn nhiệm-vụ của mình ?

Trong kỳ Đại-Hội của Phật-Giáo Toàn-Quốc vừa qua, Tòng-Hội Phật-Giáo Việt-Nam đã thu được rất nhiều kết-quả tốt-đẹp. Tất cả các ngành chuyên-môn của Tòng-Hội sẽ được tổ-chức thống-nhất nay mai, nhờ công-tác của các ủy-viên chuyên-môn và sự góp-sức của các tập-đoàn trong Tòng-Hội. Đại-Hội Hoằng-Pháp toàn quốc, Đại-Hội Giáo-Dục P. G., Văn-Hóa P. G., Thanh-Niên P. G. toàn quốc... sẽ được tuân-tự tổ-chức, và nền Phật-Giáo-Thống-Nhát sẽ được thực-hiện từ một nội-dung vững-mạnh đến một hình-thức rõ-ràng.

Nguyệt-san P. G. V. N. là cơ-quan mang tin-thông-nhất đến Phật-tử toàn quốc. Nguyệt-san P. G. V. N. sẽ phản-chiếu niềm-tin mãnh-liệt và sức sống hùng-mạnh của một nền Phật-Giáo Việt-Nam thống-nhất đang-lên.

Độc-giả trong năm qua đã yêu-mến đường lối và tôn-chỉ P.G.V.N., đã chân-thành ủng hộ P.G.V.N. thi-hành sứ-mạng. Bước sang năm thứ hai, mới đao-tình kia sẽ chắc-chắn bền-chặt hơn-lên và độc-giả thân-mến của P.G.V.N. cũng chắc-chắn sẽ gắng-công-tô bồi-đè cho P.G.V.N., cơ-quan văn-hóa của của Tòng-Hội Phật-Giáo Toàn-Quốc, trở-thành một hình-ảnh « Sóng-Mạnh » của niềm-tin-tưởng-chung: niềm-tin-tưởng ở tương-lai sáng-rõ của nền « Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhát ».

P. G.
V. N.

NGƯỜI PHẬT TỬ

với những

VẤN DỀ SIÊU HÌNH

THẠC-ĐỨC

BẤT cứ một cá-nhân nào hay một dân-tộc nào, dù sinh-hoạt còn dã-man và cồ-lỗ đến mấy đi nữa, cũng có trong đầu óc một vũ-trụ quan. Cá-nhân ấy hoặc dân-tộc ấy rất có thể không ý-thức rằng mình có một vũ-trụ quan, nhưng vũ-trụ quan ấy vẫn thầm thầm điều-khiển cuộc đời của mình và quy-định một phần rất lớn những hành-động, ý-tưởng và ngôn-ngữ mà mình tưởng rằng khi xúc-sự mình mới quyết-định có.

Bởi vì con người luôn luôn muốn hành-động theo cái hiều của mình, dù cái hiều đó nằm ở phạm-vi ý-thức hay là nằm trong phạm-vi tiềm-thức. Một lè-lối sống, nói một cách khác hơn, một quan-niệm nhân-sinh bao giờ cũng được thành-lập trên một quan-niệm về vũ-trụ. Nhân-sự-giới dầu sao vẫn là một bộ-phận của tự-nhiên-giới, và sự

vận-hành của nhân-sự-giới nếu muốn có kết-quả tốt đẹp, phải được nhịp nhàng theo cái hòa-điệu đại-đồng của tự-nhiên-giới. Lão-tử đã sớm biết được điều quan-trọng đó khi ông nói :

« Không biết cái hòa-điệu đại đồng của vũ-trụ để vận-hành theo, cứ tự-ý mình mà vọng-tác, thì thế nào cũng sẽ gặp phải tai-hoa ».

(Bất tri thường, vọng-tác, hung!).
(Đạo-đức kinh)

Nếu về vũ-trụ, ngài có một quan-niệm duy vật, ngài sẽ hành động như thế này; ông ấy có quan-niệm duy-thần, ông ấy sẽ hành-động như thế kia; và nếu tôi có một quan-niệm khác hơn, tôi lại sẽ hành-động theo một thế khác nữa. Nhận-thức nếu không đồng nhau, thì hành-động cũng sẽ không đồng nhau. Có một vũ-trụ-quan tức là đã có một tìn-

ngưỡng, không hơn không kém. Chỉ có những vũ-trụ-quan riêng cho mỗi dân tộc, mỗi cá nhân, mà không có một vũ-trụ-quan chung cho tất cả nhân-loại. Tùy theo khả-năng nhận-thức, ta chấp-thuận một vũ-trụ quan sẵn có hoặc ta kiến tạo một vũ-trụ quan khác mới hơn. Cũng như tùy theo bản chất con người, chúng ta chấp-nhận một tín-ngưỡng tôn-giáo hoặc xây-dựng một tín-ngưỡng mới. Vậy thì cần gì phải tin vào một đảng thần-linh thì mới là có tín-ngưỡng? Chỉ cần có một vũ-trụ-quan tức là đã có tín-ngưỡng rồi. Và như thế, chính những con người duy-vật cũng đã có một tín-ngưỡng: tín-ngưỡng ấy là một vũ-trụ-quan duy-vật mà họ cũng có thể nồng-nhiệt sùng bái như những kẻ cuồng-tín khác.

Có một quan-niệm về vũ-trụ tức là đã có lối giải-đáp một ít những vấn-đề siêu-hình, hoặc ít ra, cũng đã tin-tưởng theo những giải-đáp sẵn có. Mà nói đến siêu-hình tức là nói đến phạm-vi siêu thực-nghiệm. Ở đây chỉ có thể có những giả-thuyết mà thực-nghiệm không thể kiềm-diểm. Nếu ta chấp-nhận một giả-thuyết nào đó, bằng ý-thức và bằng tiềm-thức, tức là ta có một tín-ngưỡng về vũ-trụ, ta có một vũ-trụ-quan. Rồi dựa trên tín-ngưỡng ấy, ta hành-động.

Ví-dụ: Một triết phái Ấn-độ cho rằng tất cả thế-giới nhân-loại vũ-trụ mà ta thấy đây đều là nằm trong giấc mộng của Brahma: Brahma buồn, ngài muốn giải-trí, ngài nằm mộng. Trong giấc mộng của ngài, hiện ra thế-giới, nhân-loại, cầm thú. Bao giờ ngài tỉnh mộng, thì tất cả những thứ ấy đều tan biến. Nếu tôi tin theo « vũ-trụ-quan » này, thì tôi sẽ cứ ngồi đợi giờ Brahma tỉnh mộng cho khỏe thân.

Nhưng nếu tôi tin rằng thế-giới này là do một đảng Thượng-đế tạo-lập, rằng con người sẽ được cứu-chuộc một khi biết tin tưởng Thượng-đế, tôi sẽ hành-động khác hơn, bây giờ tôi sẽ treo hết bao nhiêu hy-vọng tôi vào đảng Thượng-đế ấy và tuyệt-đối vâng theo lời ngài..

Hoặc-giả nếu tôi tin rằng không có một lực-lượng thần minh nào cả, thế-giới chỉ là một thực tại vật chất, linh-hồn con người cũng chỉ là một thuộc-tính của vật-chất và sau khi chết, tuyệt-đối không còn gì nữa hết, tôi sẽ chẳng tin gì đến luật nghiệp quả báo ứng và tôi sẽ dễ-dàng phạm vào muôn ngàn tội ác.

Thế cho nên một quan-niệm đúng-đắn về vũ-trụ rất cần-thiết cho cuộc sống nhân-loại. Có một vũ-trụ quan gần với chân-lý bao nhiêu, con người sẽ đến gần

được hạnh-phúc bấy nhiêu. Vũ-trụ quan càng sai lạc, thì nhân-sinh-quan càng sai-lạc, và con-người càng bị đau-khổ.

Nhưng làm sao để biết được rằng quan-niệm này gần chân-lý và quan-niệm kia xa chân-lý? Trăm ngàn quan-niệm khác nhau, trăm ngàn tín-ngưỡng khác nhau. Người nào cũng muốn rằng quan-niệm của mình là chân-lý, nhưng rốt-cuộc, không có quan-niệm nào được toàn-thể chấp-thuận cả, vì tất-cả các quan-niệm đều chỉ là những giải-đáp siêu-hình, vượt-ngoài phạm-vi thực-nghiêm.

Bởi thế nên đã có người muốn quét sạch trong óc mình những lối giải-đáp siêu-hình, không muốn chấp-nhận một vũ-trụ quan-nào cả. Họ không muốn bắt đầu bằng một vũ-trụ-quan, họ muốn bắt đầu bằng cuộc sống thực-nghiêm, tìm hiểu ngay từ cuộc sống thực-nghiêm. Đó là những nhà đạo-học.

Họ không muốn để trí-óc phiêu-lưu trong những thế-giới siêu-hình. Họ trở-về với thực-tại, sống với thực-tại, nhận-xét thực-tại. Thực-tại gần nhất là bản-thân họ và sự sống xung-quanh họ. Họ vận-dụng lực-lượng tâm-linh và khám phá ra những sự-thực mà họ chứng-nghiêm được một cách minh-bạch: thân-bất-tịnh, thọ-thị-khổ,

tâm-vô-thường, pháp-vô-ngã...

Họ tìm-thấy bản-thân họ và cuộc đời họ là một dòng-tâm-lý vật-lý liên-tục, thúc đẩy bởi một lực-lượng nghiệp-báo. Họ cố-gắng tận-diệt những ác-nghiệp và nuôi-dưỡng những thiện-nghiệp để biến-dòng đời-khổ đau thành dòng đời-an-lạc. Và khi vô-minh-trù diệt, trí-tuệ khai-mở, họ đạt đến-chân-lý, thấu-hiểu mọi-le huyền-diệu của vạn-pháp và thấy được và dự-được vào sự-vận hành của vũ-trụ. Họ dạy-lại cho những kẻ chưa «giác-ngộ» những đường-lối-vận-hành ấy để những người này có thể hành-động hợp-với hòa-điệu đại-đồng của thế-giới vũ-trụ và đi đến địa-vị đạt-đạo như họ.

Theo những lời-chỉ-dẫn-ấy, mọi người cũng có thể có một quan-niệm về vũ-trụ. Họ tin-theo những định-luật nghiệp-báo, luân-hồi, nhận-quả và thực-hành theo đó để xây-dựng một cuộc-nhân-sinh hợp-lý, ít-khổ đau, nhiều-an-lạc. Họ hành-động theo chân-lý và họ không sợ rằng họ sẽ «vọng-tác» để phải đi đến những hậu-quả-khổ đau nữa.

Họ có một vũ-trụ-quan, một tín-ngưỡng; và như-thế là họ may-mắn được thừa-hưởng sự-khám-phá của những người đạt-đạo. Vũ-trụ-quan-ấy (hoặc tín

ngưỡng áyl là cỗ xe đưa họ đi về chân lý, họ sẽ về đến đích một cách ít khó nhọc hơn.

Còn những nhà đạo học đã làm công việc khám phá trên kia thì đã không cần dựa vào một tín-ngưỡng nào cả, một vũ-trụ quan nào cả. Họ bắt đầu bằng cuộc sống thực-tại. Chẳng cần phải mang một tín-ngưỡng nào hết, chặng cần chấp nhận trước một quan niệm siêu-hình nào hết, họ vẫn có thể đi đến chân-lý, thành-tựu đạo-quả.

Và như thế, trong đạo Phật những vấn đề siêu-hình không phải là vấn đề hệ-trọng đối với những ai đang cố thực-hiện cuộc thực-nghiệm tâm-linh. Đối với các vị tỳ kheo hay đặt những thắc mắc siêu-hình, đức Phật thường quở phạt là vì lẽ đó. Ngài dạy rằng điều hệ-trọng nhất là phải tự tinh tiến lên để được giải thoát giác-ngộ. Đừng phí thời giờ và tâm lực vào những vấn đề siêu hình « *Này các tỳ-kheo, các thầy đừng thắc mắc về vấn đề thế-giới này là hữu-hạn là hữu hay vô-hạn, cùng hay vô cùng. Dù thế-giới này là hữu-hạn hay vô-hạn, là hữu cùng hay vô cùng, thì điều mà chúng ta phải nhận là thực có ở giữa đời này vẫn là những khổ đau sinh lão bệnh tử* ». Như thế đức Phật đã kéo chư đệ-tử trở về thực tại để giải quyết vấn đề

quan yếu nhất là vấn-đề giải-thoát diệt khổ. Sự thực « đau-khổ » hiển-nhiên trước mắt, cần được giải quyết cấp tốc, người ta không có thời-giờ để đi tìm hiểu những chuyện xa-xôi.

Trong Kinh có chép câu chuyện của một người bị trúng tên độc không chịu cho người ta nhổ tên để rứt thuốc « *Khoan, khoan nhổ mũi tên đá. Đề tôi còn phải tìm hiểu kẻ nào đá bắn tôi, mũi ra sao, tên gì, làng nào, có thù hận gì với tôi không, rồi sau hãy nhổ.* » Nếu mà tìm hiểu được từng ấy thứ thì thuốc độc đã ngấm vào thân thè rồi, còn cứu làm sao được. Cuối đoạn dụ, đức Phật kết-luận rằng các đệ-tử phải mau mau thực-hành phương pháp giải-thoát diệt khổ, đừng mất thời giờ đi tìm hiểu những chuyện vu-vơ.

Trong rừng chân-lý mà đức Phật đã đi đến, ngài chỉ lựa chọn một ít những chân lý căn bản có lợi cho sự giải-thoát diệt khổ để dạy cho tú-chúng đệ-tử. Một hôm, đức Thế-tôn từ rừng cây Çimçapa trở về, cầm trong tay một nắm lá. Ngài đưa nắm lá lên, hỏi các đệ-tử « *Này chư tỳ kheo, lá trong rừng nhiều hay là lá trong tay ta nhiều ?* — Bạch đức Thế-tôn, một vị đệ-tử cung kính đáp, lá trong rừng thì nhiều, còn trong tay ngài là ít.

— Cũng như thế đó, các đệ tử ! Những gì ta biết thì vô tận vô biên như lá trong rừng, tuy vậy những điều ta đem dạy các ngươi thì rất ít, như nắm lá trong trong tay ta vậy. Những điều này có lợi ích thiết thực cho sự giải - thoát diệt - khổ của các ngươi. .

Những vị đệ-tử chưa chứng ngộ thường thắc mắc về Niết-Bàn và đặt những câu hỏi về Niết-Bàn. Đức Phật có nhiều lần đã im lặng trước những câu hỏi đó. Sự im lặng của Ngài cũng đã là một cách trả lời. Tìm hiểu về Niết-Bàn là một điều mà trí thức phàm phu không thể nào làm được, và rốt cuộc, đó là một việc làm đã khiến mất thì giờ lại còn đe dọa người tới những tưởng tượng hư-vọng. Niết-bàn là một thực-thể cần được thực-chứng chứ không phải là một đối tượng của những suy-luận duy-lý.

Không cho những vấn-dề siêu-hình là quan trọng, đó là một điểm đặc biệt của đạo Phật. Một vị tỳ kheo quyết tâm chứng đạo, không bắt buộc phải có lòng tin của một tín đồ. Người ấy có thể không bận tâm đến các vấn đề cực lạc, thiên đường luân hồi, địa-ngục. Người ấy chỉ cần đặt vấn-dề giải-thoát diệt-khổ. Bởi vì người ấy đã có thể nhận chán được tính cách khổ,

không, vô thường, vô ngã của vạn hữu (khô đế) cùng nguyên-nhân của những khổ đau ràng buộc ấy (tập đế) và cương quyết trừ diệt chúng bằng những phương pháp hợp lý (đạo đế) để đến sự chiến thắng khổ đau sống trong tịnh lạc (diệt-đế). Một khi thành công người sẽ biết tất cả, hiểu tất cả, vì bấy giờ người đã sống trong chân-lý.

Nhưng có phải toàn nhân-loại đều là những đáng trượng phu như thế cả đâu ? Số người quyết tâm xả bỏ dục lạc, đi tìm chân lý thời nào cũng hiếm, cũng ít. Họ là những chiến-sĩ can đảm vô song. Không đủ sức kham-nhẫn, không đủ nghị-lực, họ sẽ bỏ cuộc dễ dàng. Họ sẽ trở về đi con đường tiệm tiến của đa số, con đường tương đối ít chông gai hiểm trở.

Ở đây tín ngưỡng đóng vai trò quan trọng hơn. Nhờ sự hướng dẫn của các bậc giác-ngộ, người ta tin ở nhân quả, tội phước, nghiệp quả, luân-hồi và người ta hành động theo những tín-ngưỡng ấy. Những chân-lý trên đây ít nhiều nằm trong phạm vi siêu hình, tồ hợp nên một tín ngưỡng về vũ trụ — một vũ trụ quan — làm nền tảng cho một lối sống an-hòa và tịnh-lạc hơn, ít khổ đau hơn. Những chân-lý ấy có thể nhận chán được một phần nào bằng trí suy

luận và có thè chứng nghiệm hoàn toàn được bằng những cuộc thực nghiệm tâm-linh mà nếu muốn, ai cũng có thè làm được. Mà hè làm được tức là đã bước lên con đường chứng ngộ của các bậc đại-sĩ, trượng phu.

Vậy có một căn cơ yếu đuối, ta sẽ bằng lòng đi con đường tiệm tiến : con đường bắt đầu từ tín-ngưỡng (một tín-ngưỡng mà ta có thè chấp nhận bằng trí suy luận, chứ không phải một tín-ngưỡng vô điều kiện) và sẽ sát nhập vào con đường thực nghiệm chân-lý, khi nào ta đã có một căn-cơ mạnh mẽ.

Nếu sức ta mạnh, lòng ta hăng, nghĩa là khi ta có đại-căn, đại cơ, ta sẽ chọn ngay con đường của những bậc xuất

trần thượng sỹ, bắt tay vào cuộc thực nghiệm tâm linh, diệt dục, đạt tuệ, chứng quả. Với con đường này, ta không cần một tín ngưỡng siêu hình nào cả, những suy tưởng và biện-luận về các vấn-đề siêu-hình không cần thiết gì cho ta, chúng chỉ làm mất thì giờ và gây thêm cho ta nhiều vọng tưởng. Cuộc thực-nghiệmtâm linh sẽ đưa ta đến chỗ chứng-đạo, thấu hiểu mọi chân-lý mà nhiệm bằng trí tuệ Bát nhã.

Chân-lý chỉ có thè thấu triệt bằng thực nghiệm, vậy thì những cuộc suy luận về các vấn đề siêu hình đều chỉ là « hý-luận » không cần thiết. Học Phật, ta chó nên nghĩ rằng giáo-lý đạo Phật có mục đích giải đáp những thắc mắc siêu hình.

Xét qua tâm-trạng ÔN NHƯ-HẦU trong Cung-Oán-Ngâm-Khúc

Người ta thường bảo ảnh-hưởng của đạo Phật trong Cung-Oán-Ngâm-Khúc rất sâu đậm. Kỳ thực, trong Cung-Oán-Ngâm-Khúc, hay nói khác hơn, trong nhân sinh-quan của Nguyễn-gia Thiều, yếu tố Phật học chỉ dự một phần nhỏ, rất nhỏ.

Tác-giả chán đời, thấy chủ trương đạo Phật « đời là biển khô » hợp với ý mình, ông liền mượn một ít danh từ để diễn tả tâm trạng chán đời của ông.

Thế thôi. Nhưng trong khi đạo Phật lấy sự « đời là biển khô » để làm một phương tiện thì ông lại lấy nó làm một cùu cánh để rồi chết đuối luôn trong cái thế giới sâu thẳm đen tối ấy.

Nhưng chán đời mà nói được tâm trạng mình như Nguyễn-gia-Thiều trong Cung-Oán-Ngâm-Khúc thì cũng hiếm người. Trong suốt một đoạn song thất lục bát gần bảy mươi câu thơ, (từ câu 47 đến câu 116) Ông-như-Hầu đã nói lên cả cái tâm trạng chán đời của mình bằng một giọng thơ diệu luyến, một nghệ thuật trác tuyệt. Nhân sinh quan của ông phản chiếu một tâm-trạng chán đời đến cực điểm. Tuy gọi là tâm trạng của người cung nữ, nhưng thực ra, chỉ là tâm trạng của thi-nhân.

Nguyễn-gia-Thiều hẳn đã trải qua nhiều thành bại khóc vui mới có thể có một tâm trạng u buồn như thế. Có lẽ con người sâu khổ ấy đã nhiều phen cảm thấy mình là một trò chơi của định mệnh và cho rằng con người không có quyền lực gì để tự định đoạt số phận mình :

*Quyền họa phúc trời tranh mất cả,
 Chút tiện-nghi chẳng trả phần ai :
 Cái quay búng sẵn trên trời,
 Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm.*

Số phận con người và tất cả mọi việc trên đời đã do một sự sắp đặt thần-bí của định mệnh, thì con người chỉ có thể sống khổ đau sờ-soạng, như lần từng bước một trong một đêm dày đen tối. Rõ ràng con người tự cảm thấy mình là nạn nhân của một đắng hóa công cay nghiệt, sinh ra con người để rồi đùa cợt với khổ đau của con người :

*Trẻ tạo hóa đành hanh quá ngán,
 Chết đuổi người trên cạn mà chơi !*

Cái ý-tưởng « vạn vật đều do tiền định » và « hóa công sao khéo trêu người » ấy cố nhiên không phải của đạo Phật, mà là một tin ngưỡng giản dị và phổ thông của phần đông các nhà nho chán đời ngày xưa. Nguyễn-Du đã chẳng than « cho hay muôn sự tại trời » và « trời làm chi cực bấy trời » đó sao ?

Chủ trương của đạo Phật là nghiệp. Nghiệp nhàn tốt đưa đến nghiệp quả tốt, và vì thế, con người phải có trách nhiệm về cuộc đời mình. Vậy quan niệm về Nghiệp chống hẳn với quan niệm « tiền định » và « tạo hóa » ; tư tưởng đạo Phật như thế đã không có dự phần nào trong cái then-chốt này của nhân sinh-quan Cung-Oán-Ngàm-Khúc.

Tác giả Cung-Oán thường nghĩ nhiều đến tính cách phù-ảo của danh lợi, của phú quý vinh hoa, và thấy rõ tính cách vô thường của cuộc đời mày nỗi :

*Mùt phú quý như làng xa mả,
 Bả vinh hoa lừa gá công khanh,
 Giặc nam kha khéo bất bình
 Bùng con mắt dậy, thay mình tay không !
 Sân đào lý, giâm lồng man-máy,
 Nền đinh chung nguyệt gác mơ-màng :
 Cánh buồm bè hoạn mên manging.
 Cái phong-ba khéo cợt phường lợi danh...*

Cũng có thể nói rằng ý tưởng về cuộc đời vô thường là một ý-tưởng phát xuất từ Phật-giáo ; nhưng thật ra, không cần

đến ảnh hưởng đạo Phật người ta cũng có thể có được ý tưởng về danh lợi phù vân. « Giác Nam Kha » kia, đã bao người tinh thức, tinh thức nhờ chính cuộc đời khổ đau biến chuyển, chứ không hẳn quyết là nhờ đạo Phật !

Nhưng Ôn-như-Hầu đã khóc nhiều hơn về thế cuộc vô thường. Hình ảnh của một « Cầu Thệ Thủy ngồi trơ cổ độ » và một « Quán Thu Phong đứng rũ tà huy » gây cho người đọc một nỗi buồn thật là sâu sắc về những biến đổi của cuộc đời. Cái buồn ở đây nặng nề hơn cái buồn của « Thăng Long Thành hoài cổ » nhiều. Cái buồn của bà Huyện Thanh-Quan man-máu bàng-khuâng, trong khi cái buồn của Ôn-như-Hầu nặng nề, đau xót :

*Tuồng ảo hóa đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh trông thấy mà đau.
Trăm năm còn có gì đau ?
Chẳng qua một năm cổ khâu xanh rì !*

Đến đây ta mới thấy được rõ ràng ảnh hưởng đạo Phật. « Tuồng ảo hóa, là gì nếu không phải là cuộc đời vô thường » như mộng huyền bào ảnh » mà đạo Phật thường nói đến ? Hình ảnh một « chiếc thuyền bào ảnh » ra vào nhấp nhô trong cửa bể thật đã cực tả được tính cách bợ bèo mây nồi của kiếp người :

*Sóng cồn cát bè nhấp nhô
Chiếc thuyền bào ảnh lô-xô mặt ghênh.*

Nghĩ đến cuộc đời bào ảnh, rồi nghĩ đến kiếp người mày nỗi bồng bềnh đầy khổ đau, từ khi lọt lòng mẹ cho đến khi bạc đầu, bao nhiêu thành bại, cùng, thông, cơ hàn, kinh cụ, danh lợi bùn pha, phong trần nắng xám :

*Thảo nào khi mới chôn nhau,
Đã mang tiếng khóc bưng đầu mà ra.
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế,
Ai làm trò bài bế nương đâu ?
Trắng răng đến thuở bạc đầu
Tử, sinh, kinh, cụ, làm nau mấy lần !*

Khổ đau làm cho con người điêu đứng gian truân, và một khi lưỡi dã tê mùi tục vị tanh khỗ, gót đã rõ vì gai gốc đường

đời, con người thấy « chết » cả tấm lòng tuy vẫn còn mang một hình-hài nặng nhọc :

*Đòi những kẻ thiên ma bách chiết,
Hình thì còn, bụng chết đòi nau !*

Nghĩ như thế, thấy như thế, bi quan như thế, thảo nào tác giả đã không thở dài mà nhỏ hai giọt lệ :

*Nghĩ thân phù thế mà đau,
Đotted trong bè khò, bèo đau bến mê.*

Vì đâu mà Ôn-như-Hầu đã đi đến mức cuối cùng của sự chán đời như thế ? Vì ông đã chịu ảnh hưởng của đạo Phật chẳng ? Không ! tác-giả đã lăn lộn quá nhiều trong trường đời, đã từng nếm qua bao nhiêu lạc thú, bao nhiêu tân khò, đã trải qua bao nhiêu thành công, bao nhiêu thất bại. Cho đến khi viết Cung-Oán, Ôn-như-Hầu quyết không phải là một người có đạo đức thâm sâu. Đó là một con người đã từng khao khát được thỏa mãn lợi danh, lạc thú. Điều đó được chứng minh rõ ràng trong những câu thơ rất « dẽ sợ » đầy dẫy trong Cung-Oán, như :

*Đóa lê ngon mắt cỏu trùng
và :*

*Liều thưoc được mơ mòng thủy vú
Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu
Cành xuân hoa chum chím chào
Gió đông thôi đá cợt đào ghẹo mai...*

Thái-degree khát khao hành lạc của tác-giả đã được biếu lộ trong một sự tính-toán :

Cho cam công kẻ nhúng tay tháng chàm !

Tiếng « cam công » ấy đã lặp lại đến ba lần trong một đoạn ngắn tả cuộc gặp gỡ giữa nhà vua với người cung nữ ! Con người ấy khát khao dục-vọng đến thế là cùng ! Vừa mới buông xong những câu đạo mạo trang nghiêm đầy triết học đạo đức, thi đã có thể tự quên ngay trong những câu mà khi đọc đến chúng ta cảm thấy ngay rằng tác giả vẫn còn « yêu đời » quá lăm.

Cho đến khi có một tâm trạng chán đời triệt để mà lời văn còn mang nặng những tính chất khát khao hưởng lạc đến thế thì ta biết con người ấy nhiều dục vọng đến chừng nào ! Đạo Phật dạy ở đâu có nhiều dục vọng thì ở đấy có nhiều khổ

đau. Điều này ở đây được chứng minh một cách toàn vẹn. Ôn-như-Hầu hẳn đã điều đứng vì dục vọng của chính mình, và chính khổ đau đã tạo cho ông cái tâm trạng chán đời như ta đã thấy.

Quả thực, tuy đau khổ, chán đời, lầm lúc ông vẫn còn ước ao cái vui của thế sự, vẫn còn trông mong ở nhân-tình cho nên ông vẫn phải tự nhủ :

*Mùi tục-lụy đường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đằng trần duyên ?
Cái gương nhân sự chiền chiền,
Liệu thân này với cơ thiền phải nao.
Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật
Mỗi thất tình quyết dứt cho xong,
Đa mang chi nứa đèo bòng,
Vui gì thế sự mà mong nhân tình ?*

Chính vì đôi khi ông còn « mong » đến nhân-tình, để tìm « vui thế sự », nên ông phải tự nhắc mình nhớ đến cái « gương nhân sự chiền chiền », để đừng vướng thêm nứa vào vòng trần-lụy.

Rồi thì ông muốn cho người cung nǚ (hay cho ông cũng thế) đi tu, dứt mối thất tình. Nhưng tiếng « thà », mời gượng gạo và đáng thương làm sao ! « Thà » nghĩa là không vừa ý, không thích, nhưng vẫn phải chọn. Trong thảm ý tác giả, « thú tiêu dao cửa Phật » không bằng cái thú dục-vọng trong đời, nhưng bất đắc dĩ phải chọn lấy mà thôi. Ta hãy mượn thử câu này của truyện Trinh-Thử để hiểu chữ « thà » :

*Thà ăn cây ngày o-o
Còn hơn ngay ngay ăn bò làm chi.*

Vậy thi « mượn thú tiêu-dao cửa Phật » cũng chỉ như « ăn cây », mà dựa theo dục vọng cũng như được « ăn bò ». Bất đắc dĩ người ta không ăn bò được người ta mời ăn cây ; cũng như bất đắc dĩ người ta không hưởng được thú dục-vọng người ta mời nghĩ đến « thú tiêu dao cửa Phật » !

Một lần nữa, ta thấy Ôn-như-Hầu vẫn còn sâu nặng trong tiềm-thức cái ước muỗn được thỏa mãn dục-lạc. Dù ông có vào chùa tu đi nữa, ông cũng khó mà « thoát trần » để thành

« tiễn trên đời » được, bởi vì ông còn mặc-niệm trong thâm tâm rằng thỏa mãn dục-vọng là hạnh phúc.

Với tâm trạng ấy, vào chùa, thấy cảnh tri vắng vẻ tịch mịch, ông sẽ lại càng sâu khổ thèm ; nghe tiếng chuông chiều ngàn, ông sẽ lại thấy chán đời hơn, rồi biết đâu một mai kia ông sẽ bỏ chùa bỏ cảnh mà đi, mà trở về với cõi tục, hay đến tối hơn nữa là tim nơi tự ái. Ông không thể nào « kết nghĩa » được với gió mát trăng thanh, không thể nào « làm duyên » được với hoa đậm duối tuệ, và cũng như cô sứ nữ của Nhất-Linh trong « Thế rồi một buổi chiều », ông sẽ chán ngán cảnh Thiền và không bao giờ sẽ thấy được ánh sáng giải thoát của người Phật-tử chân chính.

Vì sao ?

Vì trong khi người Phật-tử nghĩ rằng cuộc đời là biển khổ, biết rõ dục vọng là nguyên do của khổ đau, họ ra sức diệt trừ tham dục, hướng đến đời sống an-lạc giải-thoát. Biết rõ « nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh » họ không say đắm vào dục lạc, biết đời là khổ mà lo diệt khổ. Ở đây, Ôn-như-Hầu cũng thấy đời là khổ, nhưng thấy dễ mà than khóc, dễ mà buông xuôi tay chết đuối trong dòng đời. Cái sự thực « đời là biển khổ » trong khi làm phương tiện thúc đẩy người Phật-tử đi đến giải thoát, thì lại làm cho Ôn-như-Hầu càng cảm thấy khổ nhiều hơn. Thà rằng ông cứ say đắm trong dòng đời còn hơn có ý thức rằng đời khổ dễ dàng bị khổ đau thèm.

Môn thuốc chán đời đối với người tu đạo là một phương thuốc bổ, còn đối với người không tu đạo lại là một môn thuốc độc. Đạo Phật quả có dạy cho con người biết chán cuộc đời khổ đau của dục vọng ; vì chỉ khi biết chán, người ta mới lo tìm phương giải thoát. Ôn-như-Hầu chỉ biết chán mà không biết giải thoát, đó là một điều đáng tiếc cho ông vậy.

— MINH-HẠNH

VẤN-DÈ HOÀNG-PHÁP

(Nửa giờ với T.T. Thiện-Hoa, ủy viên Hoằng-Pháp T.H.P.G.V.N)

Bài của THIỀU-CHI

TỪ hôm đại-hội-dồng thường niên của Tòng-Hội đến nay, vì bận quá nên tôi chưa có dịp nào tiếp-kiến thượng-tọa Thiện-Hoa để được nhờ thầy trả lời cho một ít câu hỏi về vấn đề hoằng-pháp.

Cho đến ngày hôm kia, gặp thầy chủ-bút P.G.V.N. ở cồng chùa, thầy hỏi: « Thế nào, đạo-hữu đã viết bài phỏng vấn về vấn đề hoằng-pháp chưa? Sao lâu thế? »

Tôi mới quyết-định đến chiều hôm nay sẽ lên hầu thăm Thầy Thiện-Hoa.

Thường thường muốn gặp Thầy thì phải lên chùa Ân-Quang, trụ-sở của Tòng-Hội. Tôi đến chùa lúc 3 giờ thì lại gặp giờ giáo-lý, và như thế, lại phải đợi thầy giảng xong, nghĩa là phải đến 5 giờ chiều mới có thể gặp Thầy.

Trong lúc chờ đợi, tôi xin phép thầy Tri-Khách cho đi viếng chùa, viếng nhà-in, nhà sản-xuất Bồ-đề-Hương. Nhà in Sen-Vàng của Phật-Học Đường Nam-Việt nhờ sự cố gắng của thầy Giám-Viện Thích-Tắc-Phước đã được chỉnh-bị khả quan hơn trước nhiều: máy in mới, máy cắt mới, chữ mới. Thầy Tắc-Phước trao cho tôi một tờ giấy lớn vừa in xong, trang giấy còn mang những nét mực ướt:

« Đạo-hữu xem, nhà in Sen-Vàng bây giờ tiến-bộ nhiều không? »
Rồi thầy tiếp :

« Bây giờ phần lớn những Kinh sách báo chí của Phật-giáo đều in ở đây cả. Chúng tôi mong rằng sẽ mở được cơ-quan xuất bản to lớn ở đây. Sao, đến bao giờ báo Phật-giáo Việt-nam mới đem về Sen-Vàng in đấy, đạo-hữu? »

► Tôi đáp :

— " Số 13 vẫn in ở nhà in Lang-bian Dalat. Thầy chủ-bút rất muốn đem về đây in, nhưng vì thấy nhà in còn lâm việc, sợ trễ kỳ hạn ra báo. Với lại in ở đây, (tôi cười) chắc-chắn sẽ được bớt 50% tiền in, bởi vì tờ báo của Tòng-Hội thì nghèo..."

Thầy cũng cười : " Bộ đạo-hữu tưởng nhà in đã giàu lâm để có thè in lồ như thế cho báo P.G.V.N. sao ?

— Vậy thì khi nhà in chưa giàu, báo P.G.V.N. vẫn in tạm ở Langbian vậy, bởi vì nhà in Langbian làm chóng, giá cũng dễ chịu hơn các nơi khác; với lại chủ-nhân Langbian cũng là một Phật-tử biết hy-sinh ..

Chúng tôi lê ra còn ở nhà in nói chuyện thêm về vấn đề Kinh Sách báo chí, nếu không có tiếng chuông đồ, báo hiệu mãn giờ giáo-lý.

Tôi xin phép thầy Giám-Viện để lên gặp thầy Thiện-Hoa. Thầy ủy-viên Hoằng-pháp tiếp tôi trong phòng riêng của Thầy trên lầu, bởi vì ở phòng khách đã đông người, với lại thầy muốn có một nơi thanh tịnh hơn.

* Hôm nay chúng tôi đến hầu Thượng-tọa về vấn đề hoằng-pháp của Tòng-Hội ».

Nở một nụ cười hoan-hỷ, thầy mời tôi ngồi và tự tay pha trà đài khách :

« Sao, thầy chủ-bút đã cho in số 13 chưa? Hôm nay đã là rằm tháng tám rồi đấy?

— Thưa Thượng-Tọa, káo còn đang in đấy ạ. Chừng dăm hôm nữa thì xong. Hôm nay theo lời thầy chủ-bút, tòa-soạn đến xin bài của thầy đây.

— Thôi xin hẹn đến số sau vậy, tôi bận quá không viết được bài nào cả. Các thầy Tâm-Châu, Minh-Hạnh, Dá-Thảo, Huyền-Không, Thạc-Đức... và các đạo-hữu trong tòa-soạn đấy, thiếu gì là bài.

— Nhưng Thượng-Tọa là ủy-viên Hoằng-pháp của Tòng-Hội mà không có bài thì các Thầy và các đạo-hữu khác trong tòa-soạn cũng có thể bắt chước đấy »

Thầy Thiện Hoa lại nở một nụ cười khác tươi hơn :

* Không sao, tôi tin tưởng ở quý Thầy và quý đạo-hữu. Xin hẹn kỳ sau thế nào cũng có. Sao, đạo-hữu muốn biết về vấn-đề Hoằng-pháp của Tòng-Hội ?

— Vâng, xin Thượng tọa cho biết, trước hết là quyết-định của Hòa Thượng Hội Chủ và Ban Quản-Trị Trung-Uơng về vấn-đề Hoằng-pháp

như thế nào ? »

Trầm ngâm một lát, thầy chậm rãi trả lời :

“ Theo quyết-nghị vừa rồi của Đại-Hội thì các ngành chuyên môn trong Tòng-Hội phải được cấp thời tờ chức để được thống nhất toàn vẹn về hình thức cũng như về nội-dung. Các ủy viên chuyên môn sẽ nghiên-cứu và lập bản dự-án hoạt động và sau khi Tòng-Hội chấp-thuận, kế-hoạch và chương trình sẽ được áp dụng và thi-hành trong sáu tập-doàn Phật-Giáo ».

« Riêng về ngành Hoằng-pháp », tôi hỏi, “ Thượng-tọa đã nghĩ như thế nào để mau thực-hiện được một cơ-quan thống-nhất ?

— Ngay sau ngày Đại-hội, tôi đã đi viếng Phật-giáo Trung-Phần và được tiếp xúc với các Giảng-Sư ở đây. Về vấn-dề hoằng-pháp miền Nam, tôi đã thâm hiều, vì đã hơn bốn năm nay việc đó là phận sự của tôi. Về miền Trung, các thầy giảng-sư và giáo-sư các Phật-học-Viện đã cho tôi hiểu cũng khá tường-tận. Tôi rất hy-vọng rằng một ngày gần đây, Phật Giáo Việt-Nam sẽ có một giảng-sư-doàn toàn-quốc ».

Tôi sung sướng hỏi lại :

“ Một giảng-sư-doàn toàn-quốc ?

— Vâng, một giảng-sư-doàn toàn-quốc. Có thể gồm tới ba mươi vị, phân phối theo một chương trình hành động thống nhất. Tôi cũng đã nghĩ đến một vài trò lực có thể ngăn-cản công việc thành lập giảng-sư-doàn toàn quốc và cũng đã tỏ bày mối lo ngại của tôi. Nhưng các giảng-sư mà tôi đã tiếp xúc ở miền Trung như các T.T. Thiện-Minh, Thiện-Siêu, Trí-Quang, Mật-Nguyễn... đều quả quyết rằng thế nào cũng có sự thành công và đều đã tỏ lời khích lệ tôi. Khi mà đã có được một giảng-sư-doàn toàn-quốc thì sự thống nhất toàn vẹn sẽ không còn bao xa nữa.

— Bạch Thượng-tọa, giảng-sư-doàn ấy sẽ làm việc như thế nào ?

— Theo trong bản dự-án mà tôi sẽ đệ trình Tòng-Hội, thì giảng-sư-doàn ấy sẽ cư trú tại một Trung Tâm Văn-hóa, một cơ sở Phật-Học-Viện chẳng hạn. Từ trung tâm ấy, các vị sẽ được phân-phối đi các tỉnh theo một chương trình của giảng-sư-doàn ấn định và theo nhu-cầu của các địa-phương. Chương trình ấy sẽ được nghiên-cứu thật kỹ-lưỡng để có thể trong một thời-gian hai năm, đưa các từng lớp Phật tử đến một trình độ hiểu biết phồ thông về đạo Phật.

— Bạch Thượng-tọa cố nhiên là những chỗ lâu nay thiếu khai hóa sẽ được chú trọng nhiều hơn ?

— Đó là lẽ tất nhiên. Và sẽ có những lớp học-tập do ban Hoằng-Pháp Trung-Ương tổ chức vào những mùa hạ ở các liên-tỉnh để đào-luyện thêm khả năng trú-trì và hoằng-pháp cho các vị trú-trì các chùa trong liên-tỉnh. Đồng thời những lớp huấn luyện chức vụ trị-sự tỉnh-bộ và chi-bộ Phật-giáo cũng được mở ở các liên-tỉnh để giữ vững đường lối Chánh-Pháp của Tông-Hội.

— Bạch Thượng-tọa, còn về kinh sách báo chí ?

— Báo Phật-Giáo Việt-Nam tiếng nói của Tông-Hội sẽ là tờ báo duy-nhất. Có như vậy tiếng nói Tông-Hội mới sẽ đi đến cùng khắp các tùng lớp. Nhưng muốn cho Phật-tử mọi căn-cơ đều có thể thăm nhuần giáo-lý, báo Phật-giáo Việt-Nam sẽ ra một phụ trương hàng tháng dành cho tin-tức và cho giáo-lý phồ thông. Ngoài ra ban Hoằng-Pháp Trung-Ương (tức là giảng sư-đoàn) sẽ cho ấn-hành hằng tuần một bài giảng phồ-thông mà các đạo-hữu thôn quê thành thị đều có thể nhận được.

— Vậy các tờ Từ-Quang, Liên-Hoa...

— Cố nhiên lúc ấy sẽ không còn lý-do tồn tại, bởi vì sẽ không còn vấn đề tập-đoàn và cơ-quan riêng của từng tập-đoàn nữa.

— Bạch Thượng-tọa, còn vấn đề Kinh-Sách ?

— Các Phật-học-Viện sẽ là những cơ-quan phiên dịch, sáng tác. Một nhà xuất-bản sẽ được thành lập để nâng đỡ các công việc trước tác phiên-dịch, và lo ấn-hành các tác-phẩm sau khi được hội-đồng giáo-lý duyệt-y. Hiện giờ đang thiếu sách đọc. Tôi rất mong các Phật-học-Viện thực-hiện được dần dần công việc trước tác, phiên-dịch. Việc lập nhà xuất bản không khó. Chỉ cần có tiền. Giá-trị các tác-phẩm phần lớn đã được các Phật-học-Viện đảm bảo.

— Bạch Thượng-tọa, còn tài liệu học tập của các lớp Phật-Pháp sơ-cấp, trung-cấp ? Còn chương trình hoằng pháp ở thủ-đô ? Còn những điều kiện tài-chánh của việc hoằng-pháp ?

— Tài liệu học tập của các đạo-hữu sẽ được giảng-sư-đoàn soạn lại, nếu cần. Hiện giờ các tài liệu ấy ở Trung và ở Nam đều đã có sẵn. Còn về chương trình hoằng pháp tại thủ đô... đó là một vấn đề mà tôi chưa có đủ thì giờ suy-nghĩ kỹ-lưỡng. Tôi sẽ trả lời đạo-hữu sau. À còn vấn-de điều-kiện tài chính ! Đó cũng là một vấn-de trọng đại. Tiền-tài huyết-mạch... Nhưng tôi tin đó là vấn-de chung mà rồi thế nào Tông-Hội cũng tìm cách giải quyết được. Bởi vì quần chúng Phật-tử đều khát-khao Phật-pháp, và không lý vấn-de hoằng-pháp lại được giải quyết sau các vấn-de khác...

— Bạch Thượng-tọa, còn vấn-đề các Phật-học-Viện ?

— Ấy, đó không phải thuộc về ngành Hoằng-pháp. Đạo-hữu sẽ đến hầu chuyện với Thượng-tọa Trí-Thủ, ủy-viên giáo-dục của Tòng-Hội. Hôm nào đạo-hữu định đi Nhatrang đấy ? Ra để thăm Phật-học-Viện và thăm quý thầy. Chà, Phật sự ở Nhatrang tiến lăm, không-khí đạo-dức có vẻ tung bừng.. Nhưng thôi, tôi sắp bận rồi, đạo-hữu có cần biết gì nữa thì xin cứ hỏi ».

Tôi đứng dậy chấp tay cáo từ :

— Bạch Thượng-tọa, thế là tạm đủ. Xin cảm ơn Thượng-tọa. Thế nào cũng có dịp hầu thăm Thượng-tọa để hiểu rõ hơn nữa về bản dự-thảo mà Thượng-tọa sắp đệ trình Tòng-Hội duyệt-y. Với từng ấy hiểu biết, chúng tôi cũng đã viết được bài phỏng-vấn đề đăng vào số 13 của báo P.G.V.N rồi ».

Thầy Thiện-Hoa ngạc nhiên, rồi lại nở thêm một nụ cười hoan hỷ nữa :

« À thì ra đạo-hữu đến phỏng-vấn. Tiếc là tôi không nói được cặn kẽ các chi tiết. »

— Bạch Thượng-tọa, cũng tạm đủ rồi ạ ». Tôi chào thầy một lần nữa rồi bước xuống thang lầu. Khi tôi bước xuống cấp cuối cùng, thầy còn nói theo :

« Thế là kỳ này tôi cũng có bài cho báo P.G.V.N rồi đấy nhé »

THIỀU CHI



BẢN BÁO CÁO

CỦA MỘT NHÀ KHOA-HỌC SAU
KHI NGHIÊN-CỨU PHẬT-GIÁO

Tác-giả : Kỷ Sư UÔNG-TRÍ-BIỀU

Dịch-giả Thầy TRÍ-ĐỨC và HỒNG-NGUYỄN

B.— Sắc tức là không, không tức là sắc !

Đó là một câu nói trong Phật-giáo được phô biến rộng rãi, ai cũng biết nhưng ít ai hiểu rõ ràng. Nay đem hạt nguyên-tử ra thử đê thảo-luận. Trong khoảng mươi năm gần đây sự nghiên cứu về hạt nguyên-tử có nhiều tiến bộ rõ rệt. Do đó mà có sự phát-minh về nguyên-tử-năng và đạn nguyên-tử.-Chất lượng (mass) của một nguyên-tử đều tập trung tại các hạt nguyên-tử, còn chất-lượng của điện tử chỉ bằng một phần hai nghìn của hạt nguyên-tử. Do sự phát minh đạn nguyên-tử mà chứng minh rằng vật chất có thể biến thành năng lực (energy).

Nhận xét về vật lý học cũ ta thấy có hai định luật trọng yếu như sau : một là luật « vật-chất bất-diệt » (Law of Conservation of Matter) hai là luật « năng-lực bất-diệt » (Law of Conservation of Energy). Hai định-luật trên phát biểu rằng vật chất và năng-lực là hai cái vĩnh-viễn thường cùn, không tiêu-diệt. Quan-niệm ấy sai với lý-luận Phật-giáo. Vì Phật-giáo thuyết-minh : tất cả các Pháp đều vô-thường. Ngày nay cái định-luật trái với Phật-giáo ấy đã hiện lộ rõ rệt : vật-chất và năng-lực chỉ là một. Vật-chất, theo kinh Phật gọi là « Sắc ». Từ vật-chất biến sang năng-lực khác hẳn vật-chất, vậy bản thể của vật chất có thể nói là không. Tại sao Quảng-dảo (Hiroshima) sau khi bom nguyên-tử nổ, sức phóng xạ của Uranium (ký hiệu U 235) biến thành một năng-lực rất tàn khốc. Mọi sinh vật trên Quảng-dảo đều chết sạch, những công trình kiến trúc đều tan-tành thành ra tro bụi, một khối đá rất lớn ở bờ phía đông băng đến bờ phía tây. Tóm lại có thể nói mọi sinh vật đều chết sạch, đảo lộn và tan nát ra tro bụi.

Lại nếu xét định-nghĩa về năng-lực của vật-lý-học thì năng-lực là tích số lũy thừa của khoảng cách (cự ly). Lực là cái

biểu hiệu của vật thề hành động. Động là do quan niệm liên-hiệp giữa thời-gian và không-gian mà có. Thời gian là quan-niệm từ nơi vật thề hành động mà sanh. Trên đây đã nói đến thời-gian, không-gian, động lực v.v... đều nương tựa vào nhau, không có một cái gì độc lập chơn thường có thể nêu ra được. Như chúng ta kể về thời giờ tức là lợi dụng sức tự-chuyển, công chuyển của địa-cầu mà quy định ngày, tháng, năm; lợi dụng đồng hồ mà tính phân, sao. Giả sử mọi vật trên thế-giới đều đình chỉ hoạt động, cho đến sự hô hấp và mạch máu của chúng ta cũng thôi làm việc thì thử hỏi chúng ta từ đâu mà phân biệt năm tháng ngày giờ? Đã không có quan-niệm về thời gian thì từ đâu mà biết có động? Đã không động tức là không có lực, không có lực tức là không có năng, không có năng tức không có vật, không có vật thì từ đâu mà sinh ra cảm giác về không-gian? Nội một quan-niệm ấy cũng đủ thấy là không rồi, vậy «sắc» sao lại không phải là «không»?

Nhưng không-khí làm sao lại gọi là sắc được? — Vật chất biến thành năng-lực là «sắc tức là không», năng-lực biến thành vật-chất là «không tức là sắc». Hiện nay khoa học giới ở Anh đã xác nhận và chứng-minh. Sau này hoặc giả ta có thể từ ánh sáng mặt trời (ánh sáng là một hình thức của năng-lực) mà làm thành đồ ăn, đồ mặc, cả đến vàng bạc là thứ mà mọi người đều ham thích, hoặc giả có thể lợi dụng sức nước chảy của dòng sông cho đến năng-lực tự-chuyển của địa-cầu hoặc năng-lực giữa vị-trí địa-cầu đối với mặt trời, mỗi mỗi đều có thể lợi dụng được. Những điều tôi đã trình bày qua rồi sau này không đề cập đến nữa, e rằng có người nghi tôi là người si nói chuyện trong mộng. Chỉ vì những điều ấy đều là những lý-luận rút ra từ nơi thật nghiệm khoa học. Dẫu cho không tin lời Phật nói, há lại không tin cả đến khoa-học sao? Nếu khoa học có thể tin được thì trong kinh Pháp-Hoa có chép rằng: từ mặt đất vút dựng lên một tháp Phật Đa-Bảo cao năm trăm do-tuần rộng hai trăm do-tuần (một do-tuần bằng bốn mươi dặm) và vút hiện ra trăm ngàn vạn ức Bồ-tát cũng không thể không tin. Bởi vì lời nói của Như-lai là chân thật, không dối, không kỳ-hoặc. Sự trung thật ấy quyết không có trong hàng khoa-học gia chúng ta.

C.— Lý nhân-duyên hòa hợp và luật nhân-quà.

Phật dạy tất cả tinh-thần, vật chất, sự sự vật vật trên thế-giới này đều do nhân-duyên hòa hợp sinh ra. Chúng ta đứng trên lập trường khoa-học thì hiện tượng tinh-thần không phải là đối tượng để nghiên-cứu, nên có thể để riêng ra không bàn đến. Giờ đây chúng ta chỉ nói về phương-diện vật-chất.

Người nông phu đem một hạt lúa gieo vào ruộng, hạt lúa ấy nhờ sự bồi dưỡng của ánh mặt trời, nước, đất, mầu mỡ và nhân công mới sinh ra cây lúa. Đó là sự sản xuất của người làm nông. Cây lúa hoàn toàn không thể tự nhiên mà có, chính là nhờ hạt lúa làm nhân (kinh Phật gọi là thân-nhơn-duyên) nhờ ánh sáng mặt trời, nước, đất mầu mỡ nhân công làm duyên (Kinh Phật gọi là tăng-thượng-duyên) mới sinh trưởng được. Nếu có nhân mà không duyên, có duyên mà không nhân đều không thể sanh. Đó là thuyết nhân-duyên hòa hợp trong Phật pháp. Nghẽ dệt vải một đằng là đem bông vải đến, một mặt sản xuất ra vải, đó cũng là một loại sanh sản. Vải được chế tạo ra là nhờ bông vải làm nhân, máy móc và công nhân làm duyên. Tất cả sự sinh sản nông nghiệp nơi nơi đều có thể giúp cho cái thuyết nhân-duyên hòa hợp của Phật nói được rõ ràng tỷ-mỷ, không riêng gì sự chế tạo do nhân công mà thôi. Tất cả sự biến hóa vật chất, sinh vật diễn tiến trong tự-nhiên-giới đều có thể đem thuyết nhân-duyên hòa hợp mà cắt nghĩa. Vì nhân-duyên hòa hợp mà tất cả sự vật đều không có bản thể. Do đó ta lại có thể hội thông đến đoạn trước đã nói về ba pháp quán : Không giả trung và « sắc, không » không phải hai, làm thành một lý luận : bàn về cái « không », nói về cái « có » của Phật giáo. Vì thế trong kinh Phật có một bài kệ nói rất thấu triệt vấn đề này :

• *Pháp sinh do nhân-duyên
Ta gọi nó là không,
Tên ấy là giả danh,
Cũng là nghĩa Trung-đạo ..*

Thuyết nhân-duyên hòa hợp này đã đánh đổ được những tà kiến của Gia-tô-giáo và Hồi giáo cho rằng Thượng-đế vạn năng sáng tạo vạn vật và của các cựu khoa-học-gia cho rằng nguyên-tử là một đơn vị nguyên-thi không thể phân tích được nữa. Cái nhân mà những phái tà kiến ấy chủ trương, Phật-giáo gọi là nhân bất bình đẳng. Cái nhân của thuyết nhân-duyên hòa hợp là nhân bình đẳng. Nếu Thượng-đế quả là nhân sinh ra vạn vật thì Thượng-đế quyết phải là cái quả của một nhân-duyên nào sinh ra.

Nguyên-tử cũng thế, hiện tại người ta đã chứng minh rằng trong nguyên-tử có hạt nguyên-tử và điện-tử. Trong hạt nguyên-tử lại có chất-tử và trung-tử. Chất-tử trung-tử lại có thể phá vỡ ra mà biến thành năng-lực, cứ lần lượt như thế mãi không bao giờ hết. Cho nên bảo Thượng-đế là chơn thường tức là phản khoa học, phản Phật-pháp vậy.

(còn nữa)

THÔNG-NHẤT VÀ THÔNG-NHẤT

— Phiếm-luận của KAO-TÂM-NGUYÊN

— Nay anh, Phật-giáo-đò chia động-tử « Thông-Nhất », từ bao nhiêu năm, sao chia chưa xong anh nhỉ ?

— Là Phật-tử chân chính, anh phàn-nan tín-đò Phật-giáo xây dựng nền thống nhất của mình quá chậm chạp. Rồi anh ngụ ý đò lõi cho người này, chê trách kẻ khác ; nhưng thử hỏi, chính bản thân anh, anh đã làm gì cho nền thống-nhất áy chưa ?

— Có, có nhiều lầm. Nội một chuyện tôi phàn nàn với anh đó cũng đã là góp một chút vôi hò vào tòa nhà Thông-nhất rồi. Hơn nữa, ai nói với tôi về một Phật-sự gì dù to tát hay đẹp đẽ đến đâu, nhưng xét việc áy có phương trào-ngại cho sự thống nhất trong hiện-tại hoặc trong tương lai, là tôi dùng đủ mọi lý-lẽ để cản ngăn. Lầm khi yếu lý, cần ngụy biện để thủ thắng, tôi cũng không từ. Đó, tôi làm việc cho Thông-nhất là thế. Còn nếu anh đòi hỏi ở tôi những biện pháp, những sáng-kiến trực tiếp xây dựng và chỉ đạo cuộc Thông-nhất, thì làm sao tôi có được ! Vì vậy, tôi không bao giờ dám tự đặt mình vào địa-vị tay thầy chỉ huy công-tác. Chỉ làm vôi hò, hay nhiều lầm là lăng-xang đóng vai tiêu công

cũng đủ đứt hơi rồi. Nhưng giá-đem so lòng thành, chưa chắc ai đã thành tâm hơn ai !

— Áy, khéo vấp vào tội ngã-mạn nhé ! Anh tưởng anh có thành tâm thiện chí hơn người ta, rồi người ta mỗi người lại tự cho rằng họ có thành tâm thiện-chí hơn kẻ khác ; cái vòng lẩn-quẩn cứ như thế mà tiếp nối, kéo dài mãi cho đến . . . người cuối cùng trở lại tưởng rằng chính họ mới có thiện-chí hơn anh. Bấy nhiêu đó đủ trả ngại Thông-nhất không ít rồi. Vì thế, mặc dù muôn con tim tuy cùng đập một nhịp Thông-nhất, muôn cái miệng tuy cùng ca một lời ca Thông-nhất, mà khúc nhạc hòa tấu Thông-nhất còn the-thé trong cồng họng chứ chưa dám vang vang lên một cách mạnh-dạn. Hơn nữa, vấn-de kỹ-thuật cũng là một vấn-de quan trọng. Trong công cuộc Thông-nhất, ta cần phải bước chầm rãi từng bước một chắc chắn mới mong khỏi vấp vấp, và có thể mới đặt được cơ sở vững bền cho tòa lâu-dài Thông-nhất. Anh nóng này quá ! Chúng ta đang xây cát. Công-tác khá vĩ-đại. Anh đòi rồi ngay sao được ? Anh tưởng đâu dễ lầm sao ?

— Nghe anh giải-thích, tôi tưởng chừng như đang nghe một cán-bộ tuyên-truyền đang tuyên-truyền về vấn-de thống-nhất lãnh-thờ Việt-nam trong giai-đoạn nước nhà hiện tại. Vâng, thì có khó đây! Nhưng trong nội-bộ Phật-giáo chúng ta, đâu có tranh chấp giữa lý-tưởng này lý-tưởng khác, giữa khói nẹ và khói kia? Lý-tưởng, chúng ta chỉ có một. Còn khói, nếu trong chúng ta mà cũng có khói, thì tiền-đò Phật-giáo mờ mịt và đáng buồn biết bao?

— Anh đừng nói gở! Vói lại, sao anh liên-tưởng quái gở thế? Từ cái nẹ, anh bắt bỏ ví sang cái kia một cách không đúng đắn gì hết. Giá tôi không sớm kịp chặn anh lại, với những ví von của anh, không chừng anh đưa tôi vào chỗ bí. Trong gia-đình Phật-giáo chúng ta, làm gì có các thứ khói quái dị ấy. Nếu có chẳng thì chỉ có thè là cái tiêu-khối của ngã-tưởng. Mà đã là ngã-tưởng thì không phải Phật-giáo. Giáo-lý căn bản của Phật-tò kỵ nhất là ngã-chấp, bất cứ đại hay tiểu. Có ngã-tưởng mà bảo rằng mình là tín-đồ Phật-giáo thì chỉ là ngụy-biện, mà không bao giờ là Phật. Trong bản hòa-tấu của chúng ta — nền thống-nhất Phật-giáo Việt-nam — vấn đề khói bát-thành. Vì vậy mà tôi đoán chắc với anh rằng không có « khói », như anh có thè vì liên-tưởng mà nghĩ lầm. Anh khỏi lo ngại điều đó.

— Nói như anh thì Phật-giáo thế-giới cũng dễ thống-nhất lắm ư?

— Vâng, mỗi nền thống-nhất có một phạm-vi khác nhau. Với Phật-giáo thế-giới, đích thống-nhất chỉ có thè đặt trên quan-niệm chung về vũ-trụ nhân-sinh và cụ-thè-hóa trên một số điều-lệ căn-bản quy-định đường lối hoạt-động đại cương. Kỳ

dư, mỗi dân-tộc Phật-giáo tự mình phải giữ được bản sắc riêng của dân-tộc, làm người sáng bản sắc ấy để đóng góp vào bản nhạc huy-hoàng muôn điệu là nền Phật-giáo chung của nhân loại. Nếu Phật-giáo thế-giới là một tòa nhà, Phật-giáo Việt-nam phải là 1 bức tường hay ít nhất cũng phải là 1 cây cột. Nếu Phật-giáo thế-giới là một bản đại-hòa-tấu, Phật-giáo Việt-nam phải là một điệu sáo hay là một tiếng chuông. Giá-trị một bản nhạc là « hòa », chứ đâu phải « đồng ». Phật-giáo Việt-nam nếu đồng hàn với Phật-giáo các nước khác, thì tưởng có cũng như không. Phật-giáo giữ được tính cách cao quý trong lịch-sử truyền bá trên thế-giới từ xưa đến nay chính do điểm này: Hòa được với tất cả mà chưa từng Đồng với ai hết. Tôi không mong và cũng không thè mong quốc-gia Phật-giáo hóa và chỉ mong Phật-giáo quốc-gia-hóa. Đồng hóa một kè khác tức là nô-lệ-hóa người ta. Phật-giáo chưa từng nô-lệ-hóa một dân-tộc nào. Danh-dự không có nơi kè nô-lệ; nó lại càng không có nơi kè làm việc nô-lệ-hóa. Cả hai đều mất tự-do, một đẳng vì thiểu, một đẳng vì phản lại.

— Anh nói thế, chứ như các Giáo-hội của các tôn-giáo khác trên thế-giới, người ta chỉ huy chặt chẽ các giáo-dân thì sao?

— Làm sao anh biết được việc của người ta mà bảo rằng chặt chẽ hay không chặt chẽ? Việc của họ, ta không bàn đến và cũng không có quyền bàn đến. Riêng đối với nền Phật-giáo chung của ta, quan-niệm của tôi là thế. Hòa mà không Đồng. Muốn đạt được mục tiêu ấy, Phật-giáo Việt-nam phải thống-nhất

triệt đè; thống nhất mới đủ sức đóng góp, xây dựng và phát-huy nền Phật-giáo chung. Lịch-sử truyền bá Phật-giáo qua các nước Nam-tôn và Bắc-tôn cho phép tôi tin rằng quan-niệm ấy đúng. Và chính lịch-sử ấy đã làm vinh-diệu cho Phật-giáo. Vinh-diệu vì nó chứng tỏ rằng Phật-giáo đủ cứng và đủ mềm để phát triển và hòa được với mọi con tim và khói óc. Vinh-diệu vì nó chứng tỏ rằng nền văn minh Phật-giáo là một nền văn minh « thứ thiệt » không gây đòn vỡ cho dân-tộc nào. Vào nhà nào, dù tang khó đến đâu, nó cũng đủ tươi đè mang lại một nụ cười; vào đất nào, dù cần cù đến đâu, nó cũng đủ nhựa để giúp cây trồ lá đâm hoa.

Sở dĩ tôi đồng dài với anh như thế này là vì có kẻ chủ trương rằng Phật-giáo Việt-nam phải thống nhất như kiều Án-độ kia. Chủ-trương như thế tức là vô tình lăng mạ phỉ báng Phật-giáo. Phật-giáo là Phật-giáo! Vì sao Phật-giáo lại phải giống như Miên, như Lèo, như Án-độ? Phật-giáo Việt-nam lại càng không giống nữa. Vì vậy, nói đến Phật-giáo V.N. ta phải quan niệm đó là một nền Phật-giáo dân tộc đồng nhất, có thể biểu lộ hết dân tộc tánh mà vẫn đi đúng với chiều hướng nhân-loại-tánh là Phật-giáo.

Muốn có một nền Phật-giáo V.N. thống nhất triệt đè như thế, các bậc Trưởng lão phụ huynh của chúng ta mới lao tâm tiêu-tú, ngày đêm lo nghĩ các phương kế vừa xây dựng vừa củng cố nền thống nhất ấy. Do đó mà trên phương diện thực hiện, nó phải đi từng bước chậm rãi như anh đã thấy đó. Nhưng trên phương diện ý chí,

chúng ta có thể coi như việc thống nhất đã hoàn thành.

— Anh tin chắc như vậy?

— Sao lại không. Thủ hỏi điều anh, giả sử có kẻ nào có manh tâm lớn hoặc có ngã tướng to đến đâu, đó dám nói ngược lại lập trường thống nhất xem! Người nào dù vô tình thốt ra một câu nghịch với chiều hướng thống nhất, tức là người đó đã tự mình xe giây buộc mình và tự mình phải khai trừ mình ra khỏi đoàn thể rồi. Nội một điều đó cũng đủ làm bằng chứng cho ý chí thống nhất đã chín muồi.

— Ý chí thì đành như thế, nhưng tôi vẫn ngại ngại rằng nền thống nhất khó sớm thực hiện được. Tôi vẫn nghi ngờ rằng e anh ngụy biện chăng?

— Không. Nhưng giá có ngụy biện chăng nữa thì cũng chỉ là vì mục đích thống nhất mà tất cả chúng ta đều thành kính mong mỏi. Là Phật-tử, chắc anh cũng vui lòng tha thứ tôi điều đó. Đây là chiều anh thế thôi, chứ thâm tâm tôi vẫn tin rằng tôi không ngụy biện. Nay, tôi xin dẫn chứng anh nghe. Hiện có nhiều Phật-tử lê tè trong các giới tại gia cũng như xuất-gia có nhã ý cho tôi biết những sóng kiến mạ h bạo mà họ rất nóng lòng thực hiện trong phạm vi Phật-giáo, nhưng tất cả đều chờ đợi ngày Phật-giáo V.N. thống nhất thật sự để hoạt động danh chánh ngôn thuận dưới lá cờ ấy. Trong số đó, tôi biết có một vị lâu nay vẫn năm chờ với một chương trình vĩ đại — vĩ đại theo vị ấy, có nhiên, — nhưng sợ cơ hội trôi qua, những phương tiện hy hữu không gấp lại, muốn vùng ra làm rồi lại thôi, vì vị ấy cứ thắc mắc với

một câu hỏi chưa có giải đáp:
"làm thế này, có phuong hại cho
thống nhất không ?".

Anh thấy chưa ? Trong lịch-sử
Phật-giáo V.N. mai hậu, người tín
đồ Việt-nam sợ mang tiếng xấu:
"phá hoại thống nhất", cũng như
trước đây, trong thời kỳ kháng-
chiến, dù đồng ý hay không, người
dân Việt-nam đã sợ lá bùa "Việt-
gian" mà người ta có thể gán cho
mình.

— Đành chịu anh. Nhưng đến
bao giờ, Phật giáo V.N. có thể thống
nhất thật sự trên tò chức ?

— Áy, đó là câu hỏi mà mỗi
chúng ta đều phải tự đặt và tự
giải đáp bằng cách thúc đẩy và

giúp đỡ các bậc chỉ-đạo xúc tiến
mau lẹ hơn lên. Nếu tất cả chúng
ta ai cũng biết phàn nàn, ai cũng
lớn tiếng chia động từ « thống nhất »
(như chữ anh đã dùng lúc đầu câu
chuyện), thì đó ai mà trì hoãn việc
thống nhất cho lại ! Vậy, anh, tôi,
tất cả chúng ta hãy cùng nhau chia
động từ « Thống nhất », nghĩa là
phải thực hiện :

Tôi thống nhất,
Anh Thống nhất,
Nó Thống nhất ;
Đè rời đi đến :
Chúng ta thống nhất !

TÂM-NGUYÊN



XIN ĐỘC-GIẢ CHÚ-Ý

Từ số này, đạo-hữu Nguyễn-văn-Nhā sẽ thay đạo-
hữu Nguyễn-văn-Thọ làm Quản-lý. Vậy từ nay trở
đi thư từ và bưu-phiếu về việc mua báo xin đề tên đạo
hữu NGUYỄN-VĂN-NHÁ. Ngoài bìa chúng tôi chưa
kịp chữa đồi, xin độc-giả miễn chấp. Và báo kỳ này ra
chạm cũng xin độc già lượng thứ cho.

ÂM-NHẠC PHẬT-GIÁO

Từ nay, trên bản san, đạo-hữu Nguyễn-hữu-Ba sẽ sưu-tầm, giới-thiệu những diệu nhạc cõi truyền của Phật-giáo..

L.T.S.

Dưới đề mục này, chúng tôi sẽ lần lượt sưu tầm để trình bày các diệu nhạc cõi truyền từng dùng trong các đại nghi lễ của Phật giáo. Sự chọn lọc các diệu nhạc ấy căn cứ trên hai đặc điểm: Phật giáo tinh, Dân tộc tinh. Công việc sưu tầm và trình bày này nhằm mục đích ghi lại một ít hương hoa của nền âm nhạc Phật giáo cõi truyền để cống hiến các nhạc sĩ Phật tử những tài liệu xây dựng một nền âm nhạc Phật Giáo Việt Nam về sau.

Có dịp chúng tôi cũng sẽ cố gắng phân tách để giới thiệu tinh thần nghệ thuật từng diệu một.

Bản nhạc đăng ký này là bản NGÚ-ĐỐI có từ ngàn xưa do các ban Bát âm cử lên trong những buổi lễ. Lời do đạo hữu Bửu Bác đặt từ trước khi có Gia đình Phật tử. Hồi bấy giờ, các em trong ban Đồng áu — tiền thân của các Gia đình ngày nay — đã dùng diệu và lời này để hát lễ.

Đây là một nhạc phẩm có giá trị về phương diện nghệ thuật, lịch sử và nhất là tinh chất Phật giáo nghi lễ. Diệu nhạc trang nghiêm, bao gồm đầy đủ hai tinh chất: Phật giáo tinh và dân tộc tinh nói trên.

Vì hai tinh chất ấy, tôi xin đề nghị đem nó thay thế cho bản « Trầm hương đốt » cũng do đạo hữu Bửu Bác soạn, nhưng thiếu hẳn hai tinh chất trên.

Lời ca, nhất là đoạn « Hôm nay, Đức Thích-Ca mòng 8 tháng 4 ngày lành, hóa sanh về Ca-tỳ-la-vệ » có thể tùy tiện sửa đổi để có thể dùng làm nhạc cúng dường và áp dụng trong mọi nghi lễ Phật giáo.

N.H.B.

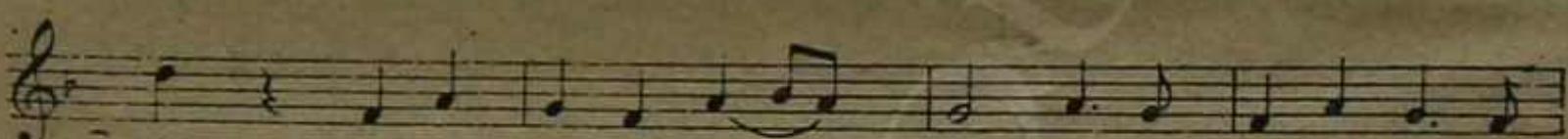
NGÚ- ĐÓI

(Đảng lễ Đản-Sinh và Phát Nguyện)

Do NGUYỄN-HỮU-BA Ký-âm 1955



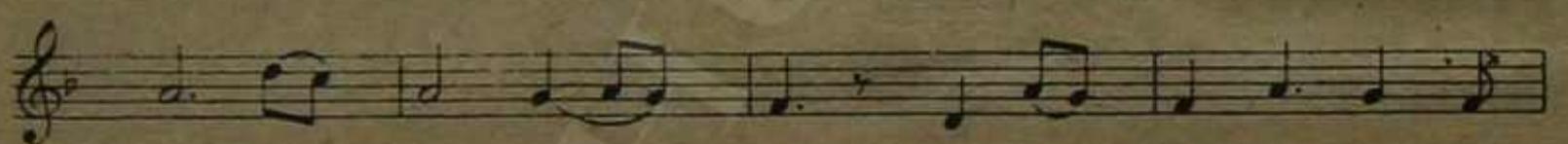
Nay chúng con ngày nay tự tánh thành



kính, đèn nhang chong trầm hương xông khói bay cùng thơm xa vời



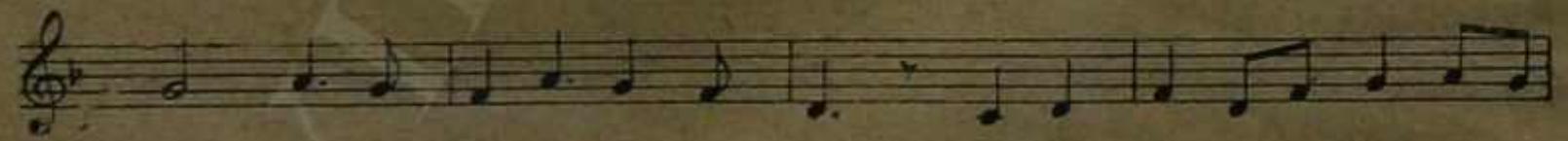
voi, két mây lành muôn vạn. Hương giới hương



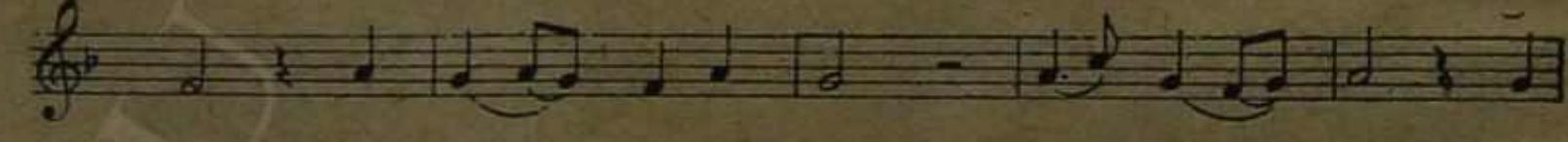
định hương tuệ thơm đầy, nực xa gần kính dâng Tam



bão xin chứng lòng khàn cầu. Nguyện chúng sanh phước



đầy, nghe hương này dứt dây phiền não, rõ mọi đường đê mà tú tánh viễn



thường, thoát ly vòng vô minh, nguyện đồng đẳng thành

Phật cùng pháp-giới chuyền chuyền pháp-luân. Ai nghe đều ưa tu
 tập đạo Bồ - đè thâm huyền. Như chư Phật viên giác chơn
 thường đủ vô lượng công đức. Ban ơn xuống cho chúng sinh hết mê
 làm trầm luân khò hải, đại Niết - Bàn tự - tại, thị hiện trong
 đời độ quần sanh thoát luân hồi. Hôm nay Đức Thích- Ca, mòng
 Tam tháng tư ngày lành, hóa sanh về Ca - Tỳ - La - vẹ. Đệ tử
 đồng quy-y Tam Bảo xin thê nguyện một lòng. Quyết tinh
 tấn, chí Bồ - đè trọn đời trọn đời.

Tôi sẽ xin rằng tất cả

Nếu hỏi rằng « người muốn bao nhiêu »
Tôi sẽ xin rằng « tất cả »
Tôi tham lam hơn ngày xưa, tham lam cực-độ,
Cả ngài cả tôi, cả người thiên hạ,
Núi sông, cây cỏ,
Xuôi về, sáng hôm nay, trong duy-nhất « hiệm mầu ».
Ôi những mảnh rời nhau, khò đau
Tách ra ngoài đại-thè !
Đá từ lâu, ngàn vạn đời,
Chúng tôi tự tìm, sờ soạng, trong ngực tù an vui.



Sáng hôm nay, em tôi trở về quỳ dưới Phật dài
mắt đầm đìa lệ.
Ôi ! một linh hồn đi tìm bến đỗ
(Hình bóng của tôi xưa,
Phiêu lưu ngàn năm, một hôm sầu khò, khao khát bến bờ !)

Hãy để yên cho em quỳ lâu, rất lâu
trên Phật điện.

Cho lệ em thăm lặng chảy, cho lệ em mặc sức tràn trề.

Cứ để yên cho quỳ lâu thêm nữa,

Đủ thì giờ cho lệ em khô ráo.

Bởi vì, người ơi, một mai kia,

Tôi sẽ đến châm lửa vào túp lều nho nhỏ của em ở ven đồi,

Túp lều duy-nhất còn lại của đời em.

Cho lửa cháy lên cao,

Cho tan - hoang tất cả,

Cho chỗ nương tựa cuối cùng tan rã,

Cũng như chiếc bè, trong đợi-dương, tan rã.

Để vỏ cứng của hồn em, trong hồn độn nhiệm mầu,

Sẽ vỡ toang. Tràn trề ánh sáng.

Tôi sẽ đợi em, bên ánh lửa hồng cháy rực rỡ của túp lều.

Nước mắt sung-sướng chan hòa,

tôi nhìn em

Rồi khi cầm tay em tôi hỏi rằng : « em muốn bao nhiêu »

Tất nhiên em sẽ cười mà xin rằng « tất cả ».

NHẤT-HẠNH



SUỐI TÙ'

Kịch của VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG

(Những tư nhân hay đoàn thè nào, kè cả Gia-Đình
Phật-Tử, muốn trình diễn vở kịch này, phải được sự đồng
ý của Tác-giả).

KHUNG CẢNH VÀ THỜI GIAN

*Chuyện xảy ra tại một tiều-quốc ở Ấn-Độ, trong một
thời xa xưa, khi ĐẠO PHẬT còn cực thịnh.*

NHÂN VẬT

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG. 52 tuổi, vừa sảy ngôi của một
tiều-quốc ở Ấn-Độ.

THÁI TỬ TRƯỜNG SƠN, 25 tuổi con Thường-Lạc-Vương.

ĐẠI LỰC VƯƠNG, 50 tuổi, người đã cướp ngôi của
Thường-Lạc-Vương.

ĐẠI THẦN HUYỀN VI, 60 tuổi, quan của cả hai Triều, cũ
và mới.

CÔNG NƯƠNG QUỲNH NHƯ, 21 tuổi, con của Đại-Thần
Huyền-Vi.

NGƯỜI THỢ SẴN, 30 tuổi.

NGƯỜI LIÊN LẠC, 27 tuổi.

HAI PHẠM NHÂN, từ 25 đến 30 tuổi.

CÁC QUAN HẦU, NỘI GIÁM, NGƯỜI LÍNH.

Y - PHỤC

Theo kiều Ấn-Độ thời xưa.

MÀN MỘT

CẢNH. — Trong một khu rừng xú An-Độ, nơi ăn trú của Thường-Lạc-Vương và Thái-Tử Trường-Sơn, sau khi bỏ ngai vàng trốn đi. Một khoảng thưa cây, rải rác vài ba cây cồ thụ vươn cao, vài bụi rậm. Một thân cây đã bị cưa, còn lại gốc phẳng, và ở gần chính giữa trước một cây cồ thụ, có một phiến đá dùng đè ngõi. Bầu trời trong trẻo. Ánh sáng non nèo lọc qua vòm lá, in từng đám sáng xuống cỏ xanh. Vài tiếng chim thỉnh thoảng hót lên làm tăng thêm vẻ yên tĩnh.

THỜI GIAN. — Vào khoảng 7 giờ sáng,

NHÂN VẬT :

- Thường-Lạc-Vương (phục sức theo lối các vị Tăng-gia tiều thừa, y vàng, gầy và bình bát).
- Thái-Tử Trường-Sơn : phục sức theo lối vô-sí, áo quần ngắn, có giây buộc ở giữa lưng, mang dép có giây buộc lên quá mắt cá.
- Người Liên-lạc : ăn mặc như một người dân thường An-Độ.
- Người thợ săn : choàng một tấm áo bằng da thú.
- Con cừu con : (nếu không tìm ra thì thay thế một con thỏ).

MÀN MỞ

Thái-Tử Trường-Sơn đang đàm đạo với người Liên-lạc. Thái-Tử đi lại lại có vẻ suy nghĩ, trong lúc người Liên-lạc ngồi ở trên gốc cây nhìn theo Thái-Tử.

THÁI TỬ TRƯỜNG SƠN (đi vài bước rồi dừng lại, nhìn người Liên-lạc hỏi) : — Thế ngươi đã gặp quan Đại-Thần Huyền-Vi chưa ?

NGƯỜI LIÊN LẠC : — Thưa Thái-Tử, tôi đã gặp Đại-thần trước khi lên đây.

THÁI TỬ TRƯỜNG-SƠN : — Đại-thần nói thế nào ?

NGƯỜI LIÊN LẠC : Đại-thần nhẫn với Thái-tử ráng đợi ít lâu nữa. Vua mới, Triều-dinh mới, đám quan-lại khó dò lắm. Vả lại trong tổ-chức, có người vừa bị bắt. Nó khai có liên lạc với Thái-tử, nên thằng Đại-Lực lại cho tẩm nã riết Cựu Vương và Thái-tử. Xin Thái-tử hãy ráng đợi ít lâu.

TRƯỜNG SƠN : — Vâng, thì ta ráng đợi. Nhưng phải có một thời hạn nhất định chứ. Đề lâu quá, cơ-đồ nó ồn-định, lòng dân chóng nguôi quên, ta làm thế nào để lật đồ nó, chiếm lại ngai vàng ? Người về thưa

— Lại với quan Đại-thần Huyền-Vi là ta đặt tất cả tín-nhiệm nơi Đại-thần, và giao trọng quyền cho Đại-thần định liệu. Nhưng cần phải quyết định gấp rút, không thể kéo dài thời gian mãi được.

NGƯỜI LIÊN LẠC : — Thưa vâng...

TRƯỜNG SƠN : — Thôi ngươi về đi. Có lẽ Cựu-Vương đi ngoạn cảnh cũng sắp về đây rồi, đừng để cho Ngài gặp. Nếu Ngài gặp, thì cõi mưu sẽ bại lộ, đại cuộc sẽ dở dang... Lần sau, chúng ta sẽ gặp nhau ở khu rừng trước kia, ở đây bất tiện. Thôi ngươi về đi. Ta chúc ngươi trở về bình yên vô sự.

NGƯỜI LIÊN LẠC : — Chúc Thái-Tử ở lại khu ơng an (*cúi chào*)

TRƯỜNG SƠN : — (*Đưa theo mấy bước, rồi gọi người Liên-lạc, dặn thêm* — À, ngươi có gặp Công-nương Quỳnh-Như, con của Đại-thần Huyền-Vi thì bảo là ta có lời mời thăm, và hãy yên lòng chờ đợi, một ngày không xa ta sẽ trở về...

NGƯỜI LIÊN LẠC : — Vângạ ! (*đi ra hẵn*)

LỚP HAI

Thái-tử đi vào phía một gốc cây sau cùng, lấy một cái giỏ mây đẽ bên cạnh gốc cây, định đi hái trái cây. Thái-tử vừa đi vừa chăm chú cột lại mấy nút mây sút ra trên miệng giỏ. Thường-Lạc-Vương đi vào, tay nắm gậy dài đi đường — nắm chờ không phải chống vì Thường-Lạc-Vương còn khỏe mạnh)

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*dừng lại, động mạnh cây gậy xuống đất, vẻ bất bình*) : — Trường-Sơn !

TRƯỜNG SƠN (*giật mình nhìn lên*) : — Kìa cha đã về !

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*hỏi, giọng chế riếu*) : — Trường-Sơn ! Con định bao giờ trở về cướp lại ngôi vua đấy ?

TRƯỜNG SƠN (*tái sắc mặt, trả lời lúng túng*) : — Thưa cha, thưa cha... con có định gì đâu.

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*động mạnh chiếc gậy xuống đất*) : — Thôi, đừng dấu quanh nữa ! những lời mày căn dặn thắng Liên-lạc ban này, ta đã nghe qua tất cả rồi. Đừng chối vô-ich ! mày lại muốn gây lại can qua, tưới máu đám thường dân vô tội để chiếm lại ngai vàng, xưng hùng xưng bá ?

TRƯỜNG SƠN : — Thưa cha, con chỉ lấy lại những gì người ta đã cướp đoạt trên tay Cha con chúng ta thôi.

THƯỜNG LẠC VƯƠNG : — Nhưng mà lấy gì để cướp lại ngôi báu ? mà có đem thân mạng mà ra chăng ! hay mà sẽ trải thây trãm họ để bước lên đài vinh-quang ?

TRƯỜNG SƠN : Thưa cha, cha hãy nghĩ đến dòng họ nhà ta, mấy đời vua chúa, đến tò-tiên chúng ta, đã ra công dụng nghiệp...

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*dịu giọng*) : — Con ạ, cha đã nghĩ nhiều lắm rồi, tiên-tò của chúng ta đã dựng nghiệp trên xương máu của thần dân nhiều lắm rồi, cha không muốn bây giờ chúng ta lại gìn giữ cái cơ nghiệp ấy cũng bằng xương máu một lần nữa...

TRƯỜNG SƠN : — Nhưng, còn danh giá của Nhà ta đang bị thằng Đại-Lực chà đạp ? Cha có nghĩ đến chăng ?

THƯỜNG LẠC VƯƠNG : — Có, cha có nghĩ đến con ạ ! danh-gia nhà ta xưa kia được xây dựng và gìn giữ bằng gươm giáo, oai-quyền, được tô vẽ bằng vàng son châu ngọc, bây giờ cha chỉ muốn cái danh-gia ấy được tạo nên bằng đức độ, bằng tình thương và được bảo-vệ trong cái áo vàng đơn sơ này. *Thường-Lạc-Vương ngồi xuống trên phiến đá, chỉ tay về phía gốc cây đã cưa*) : — Con hãy ngồi xuống đây đã. Con ạ ! (Đôi mắt xa vời) Cái đêm cha con ta lìa bỏ Kinh-Thành, Cung-diện ra đi cha cũng đã oán nhắc, suy luận, phẫn-đầu với cha nhiều lắm. Đêm ấy, trong lúc hai quân đang lăm le xáp chiến, sát khí đầy trời chỉ chờ một tiếng lệnh của cha thì lăn xả vào nhau mà chém, mà giết..., trong lúc trên thành, bên cạnh ta, các trung-thần giục giã : « *Đội ngũ đã sẵn sàng, xin Bệ hạ mau ra lệnh tiến binh !...* »

TRƯỜNG SƠN (*cắt ngang câu nói của cha*) : — Thôi cha đừng nhắc lại nữa, con đã biết cả rồi !

THƯỜNG LẠC VƯƠNG : — Con hãy để cho cha nói tiếp ! con chưa biết hết cả ý nghĩ của cha, trong đêm ấy đâu ! (*Thường-Lạc đứng dậy*) Ta đứng trên thành nhìn xuống : mấy vạn quân đang nằm san sát sau bờ thành, dưới hào lúy... và xa hơn nữa, trước mặt họ, những quân thù — ta bảo là thù, chứ họ có thù gì nhau đâu, cũng chỉ là những người dân cày vô tội mà thôi — những toán quân của Đại-Lực cũng đang tuốt gươm hòm súng. Cha bỗng thấy xót thương cho họ quá. Họ có tội tình gì đâu ? chỉ hai gia đình giành giựt nhau một ngôi. Vua mà họ phải phơi thây trên chiến địa, phải đói què, tàn phá ! Ủ, không lẽ vì gia-dinh ta và gia-dinh thắng Đại-Lực mà thành kia vẩy máu, hồ kia ngập xác người, nhà tan, cửa mít ! Xuất quân ư ? chắc gì đã thắng ? Mà nếu thắng thì cũng chỉ là người

giết người, có gì vui sướng hân-diện đâu ? Gây chiến-tranh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ mỏi mắt chờ chồng. Và những em bé ngày thơ, con ạ, chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải côi cút, sống không tình thương và đói lạnh ? Không, không thể được ! Cha không muốn chỉ vì cái ngai vàng nhỏ mọn ấy mà toàn dân trong nước phải khổ đau, không muốn dập tan hạnh-phúc của bao nhiêu gia-dinh khác để xây đắp hạnh-phúc riêng cho gia-dinh ta... Đấy ! vì thế mà cha đã rời bỏ cung điện, dắt con ra đi, sau khi đã truyền lệnh mở cửa thành cho quân của Đại-Lực tiến đến.

TRƯỜNG SƠN (*nói một cách buồn tủi*) : — Mấy ai đã biết được vì những ý nghĩ thương người, yêu đời mà cha đã rời bỏ cung điện ra đi ? Hay người ta chỉ nghĩ rằng cha đã trốn đi vì sợ thua, sợ chết ?

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*tiến đến phía con, đặt tay lên vai Thái-tử, nói một cách dịu dàng*) : — Con ạ, mấy năm qua, chuyện ấy đã xóa mờ trong đầu óc cha rồi. Mỗi lần nhớ lại, cha không chút ăn-năn hối-tiếc. Nếu ai có tưởng lầm rằng cha đã đi trốn vì hèn nhát, thì cũng mặc họ. Miễn là trong thực tế, cha đã tránh cho hàng vạn người thoát khỏi khổ đau chết chóc. Con hãy nghe cha, đừng nhen nhúm lại lửa hận thù xưa nữa. Ngày mai, nhân-loại sẽ tồn tại vì tình thương chứ không phải vì thù hận. Từ-bi là nguồn sống, là ý-nghĩa của cuộc đời. Trường-Sơn con có nghe cha không ? (*nhìn vào mặt con một cách hiền dịu, nhưng như soi tân đáy lòng*)

TRƯỜNG SƠN (*cúi đầu xuống, nói một cách áp úng*) : — Con... con xin nghe lời cha. Con sẽ tìm người quên trong ánh đạo.

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*tỏ vẻ hài lòng*) : Thế thì không có gì làm cho cha vui sướng bằng. Thôi con đi hái trái đi, mặt trời đã lên cao rồi. Cha cũng sửa soạn tham-thuyền đây.

TRƯỜNG-SƠN (*Vái chào cha*) : — Thưa cha, con đi.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — Con đi đi !

(*Trường-Sơn đi khuất, Thường-lạc-Vương chống gậy đứng nhìn theo, mắt chứa đầy trùm mến*).

LỚP III

(*Thường-lạc-Vương quay lui vài bước, bỗng thấy con cừu con từ phía sau gốc cây chạy ra. Thường-Lạc-Vương vui-vẻ chạy đến ôm lấy nó, bồng lên đến ngồi trên gốc cây*)

giết người, có gì vui sướng hân-hiện đâu ? Gây chiến-tranh thì làm sao tránh được cảnh mẹ già khóc con, vợ trẻ mỏi mắt chờ chồng. Và những em bé ngày thơ, con ạ, chúng có tội tình gì đâu mà bắt chúng phải côi cút, sống không tình thương và đói lạnh ? Không, không thể được ! Cha không muốn chỉ vì cái ngai vàng nhỏ mọn ấy mà toàn dân trong nước phải khổ đau, không muốn đập tan hạnh-phúc của bao nhiêu gia-dinh khác để xây dắp hạnh-phúc riêng cho gia-dinh ta... Đấy ! vì thế mà cha đã rời bỏ cung điện, dắt con ra đi, sau khi đã truyền lệnh mở cửa thành cho quân của Đại-Lực tiến đến.

TRƯỜNG SƠN (*nói một cách buồn tủi*) : — Mấy ai đã biết được vì những ý nghĩ thương người, yêu đời mà cha đã rời bỏ cung điện ra đi ? Hay người ta chỉ nghĩ rằng cha đã trốn đi vì sợ thua, sợ chết ?

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*tiến đến phía con, đặt tay lên vai Thái-tử, nói một cách dịu dàng*) : — Con ạ, mấy năm qua, chuyện ấy đã xóa mờ trong đầu óc cha rồi. Mỗi lần nhớ lại, cha không chút ăn-năn hối-tiếc. Nếu ai có tưởng lầm rằng cha đã đi trốn vì hèn nhát, thì cũng mặc họ. Miễn là trong thực tế, cha đã tránh cho hàng vạn người thoát khỏi khổ đau chết chóc. Con hãy nghe cha, đừng nhen nhúm lại lửa hận thù xưa nữa. Ngày mai, nhân-loại sẽ tồn tại vì tình thương chứ không phải vì thù hận. Từ-bi là nguồn sống, là ý-nghĩa của cuộc đời. Trường-Sơn con có nghe cha không ? (*nhìn vào mặt con một cách hiền dịu, nhưng như soi tận đáy lòng*)

TRƯỜNG SƠN (*cúi đầu xuống, nói một cách ấp úng*) : — Con... con xin nghe lời cha. Con sẽ tìm người quên trong ánh đạo.

THƯỜNG LẠC VƯƠNG (*tỏ vẻ hài lòng*) : Thì không có gì làm cho cha vui sướng bằng. Thôi con đi hái trái đi, mặt trời đã lên cao rồi. Cha cũng sửa soạn tham-thuyền đây.

TRƯỜNG-SƠN (*Vái chào cha*) : — Thưa cha, con đi.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — Con đi đi !

(*Trường-Sơn đi khuất, Thường-lạc-Vương chống gậy đứng nhìn theo, mắt chứa đầy trùm mến*).

LỚP III

(*Thường-lạc-Vương quay lui vài bước, bỗng thấy con cừu con từ phía sau gốc cây chạy ra. Thường-Lạc-Vương vui-vẻ chạy đến ôm lấy nó, bồng lên đến ngồi trên gốc cây*)



NGƯỜI THỢ SĂN : — Người đừng bốn cợt. Thân mạng ngươi thật không đáng gì nhưng ngươi đã trót mang cái danh là Cựu-vương Thường-Lạc và chính đó là cái ta muốn lấy. Ta đã theo dõi ngươi từ bấy lâu nay mới gặp.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — À, ra thế ! Ta chết vì cái danh hiệu !

NGƯỜI THỢ SĂN : — Người bảo rằng ngươi không quý giá gì, nhưng thật ra ngươi quý lắm. Ta đi săn suốt đời cũng không gặp được một con mồi quý giá như ngươi. Ta sẽ bắt ngươi về nộp cho Đại-lực-Vương, lấy thưởng. Ta sẽ được chức quyền, bồng lộc, vợ con ta sẽ giàu sang sung sướng.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — (Nói một cách khinh bỉ) : — Người thật là trāng tráo. Người có biết xấu hổ, liêm sỉ không ?

TÊN THỢ SĂN : — Người ta chỉ biết xấu hổ, liêm sỉ khi đứng ngoài cuộc nhìn người khác làm, hay khi quyền-lợi nhỏ nhoi không đáng kể. Chứ ngươi đối với ta là cả một kho vàng...

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (cười một cách chua chát) : — Người thật đã trắng trợn. Nghẽ nghiệp của ngươi đã làm cho ngươi mất hết cả nhân tính. Nhưng ít ra, ngươi cũng còn thành thật hơn nhiều kẻ khác. Có lẽ vì ngươi thấy không cần làm mặt nhân nghĩa với ta nữa chăng ?

TÊN THỢ SĂN : — Chính thế ! nhân nghĩa chỉ cần khi lợi quyền chưa nắm chắc. Chứ còn ngươi thì đã nắm gọn trong tay của ta rồi, không cần phải dùng cái mặt nạ ấy nữa.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — Người lầm ! Người chưa nắm được ta đâu. Con ta sẽ về trong chốc lát. Trước sức mạnh của nó, ngươi thật không nghĩa lý gì hết.

TÊN THỢ SĂN : (đưa cung lên hòm săn) — Nếu nó về, ta sẽ bắn chết ngay trước khi nó kịp đề phòng. Người có thương con thì hãy đi theo ta gấp, đừng để cho nó chết lây vô-ích.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (thả con cùu nãy giờ ôm trong tay, đứng dậy, vẻ cương quyết) : — Ta không đi ! Người hãy bắn, hãy giết ta đi, Ta không muốn về Triều, chết trước mặt bọn gian-ác đã cướp giật ngôi ta. Người cứ giết ta đi rồi lấy thủ cấp đem về lánh thường.

TÊN THỢ SĂN (Làm ra vẻ hung hăng trương cung nhắm bắn. Nhưng Thường-lạc Vương vẫn thản nhiên đứng nhìn nó. Tên thợ săn

(hã tuồng xuống, có vẻ lúng túng, rồi bỗng chấp tay, đụng nói)
Thưa Ngài, Ngài hãy thương tôi, thương gia đình tôi.. Ngài hãy cho tôi
được bắt sống đem về Triều, tiền thưởng của tôi sẽ nhiều hơn.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (*cười mỉa mai*) : — Lòng tham của
người thật không đáy.

NGƯỜI THỢ SĂN : — Thưa Ngài, vả lại, nét mặt của Ngài đã
thay đổi nhiều quá sau mấy năm tu hành, nếu tôi đem thủ cấp về, chưa
chắc Đại-lực-Vương đã cho là thật. Và nếu Tân-Vương không tin, thì
thần dân vẫn còn bị khổ, đau đớn vì những sự tuồng xét, tra tấn, để tìm
bắt Ngài.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (*vẫn mỉa mai*) : — Người lại dùng đến
cái mặt nạ nhân nghĩa, đạo đức rồi !

NGƯỜI THỢ SĂN : — Không, thưa Ngài ; thật là như thế đấy.
Đại-lực-Vương đã ra lệnh tầm nã Ngài rất dữ, đã tra tấn, giết chóc không
biết bao nhiêu người vô tội, vì nghi họ chứa chất ngài. Nhân-dân rất dọc
dẫn lo sợ, không biết cái họa ấy đến bao giờ mới hết.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (*nói có vẻ buồn*) : — Thế sao ?
Ta không ngờ ta đã hy-sinh tất cả mà vẫn có người còn đau khổ vì ta.
Nhưng ta đã nguyện hy-sinh thì hy-sinh cho trót.

NGƯỜI THỢ SĂN (*quỳ xuống van xin*) : — Vâng, xin Ngài hãy
hy sinh cho trót.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — Thân mạng này rồi cũng có ngày tan
rã có đáng gì đâu. Người ạ, nếu người bắt ta mà nhân dân dở lo sợ, gia
đình, người được sung sướng, thì ta nào tiếc chi. Nhưng trước khi theo
người ta cần dè lại một vài lời nhắn nhủ con ta đã. Người đưa cho ta
mượn con dao.

NGƯỜI THỢ SĂN (*ve lo ngại*) : — Thưa Ngài đừng tự tử.

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG : — Không, không, ta cần con dao dè
cắt một chút đầu ngón tay viết cho con ta bằng chữ máu. Ta thấy như
thế mới cảm hóa được con ta.

NGƯỜI THỢ SĂN (*rút con dao nhỏ đặt bên hông, đưa cho
Thường-lạc-Vương một cách do dự*) : — Nhưng xin Ngài đừng tự tử ?

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (*nghiêm nghị*) : Ta căm hứa là không !
(lấy con dao cẩn rắng cưa một chút đầu ngón tay trỏ, quỳ xuống bên

phiến đá, trải mành y phía trong ra, hú hoáy viết. Viết xong đọc lại. Xé mành y rời ra, đứng dậy, chăng ra trên thân cây, quay đầu nói với người thợ săn) : — Người đưa cho ta hai cây tên.

(Người thợ săn rút hai mũi tên sau lưng đưa cho Thường-lạc-vương, Thường-lạc-vương găm hai góc trên miếng vải vào thân cây với 2 mũi tên, rồi lui ra xa ngắm).

TÊN THỢ SĂN : — Ngài viết gì đấy ?

THƯỜNG-LẠC-VƯƠNG (đọc to) : Cha đã bị bắt đưa về Kinh. Con ở lại tiếp tục tìm Đạo. Hãy tưới tình thương xuống hận thù. Đừng bao giờ lấy gươm giáo để trả thù gươm giáo. Hãy sống cuộc đời chư Phật, hỷ-xả, từ-bi... (đứng nhìn một lát, có vẻ ngâm ngùi nhớ thương. Bỗng nhìn thấy con cừu, đi đến cúi xuống vuốt ve nó) : — Thôi con ở lại. Anh con sẽ săn sóc con. Ta còn đi trả sạch nợ đời. Ta tin chắc rằng sự hy-sinh của ta sẽ gây ảnh hưởng tốt cho người sau. Ta chết, yên lòng với niềm tin-tưởng ấy. (Vừa nói vừa cột con cừu vào gốc cây). Thôi ta đi ! (Hai người đi ra)

LỚP V

(Giữa khu rừng chỉ còn lại con cừu con đang ngơ ngác kêu lên những tiếng kêu sơ hãi. Một chốc, Thái-lử Trường-sơn đi vào, tay xách một giỏ trái cây, vẻ hờn hờn)

TRƯỜNG-SƠN : — Hôm nay trái cây nhiều và tốt quá. Ít ra ăn cũng được vài ngày. (nhìn quanh) Cha đâu ? Mà sao con cừu lại cột dây ? Cha đâu (vẻ lo ngại, trật nhìn lên thân cây thấy tấm vải viết bằng chữ máu. Chạy đến chăm chú đọc. Đọc xong, đánh rơi giỏ trái cây xuống đất, vẻ hốt hoảng điên cuồng) : Chao ôi ! Cha bị bắt mất rồi (đứng gục đầu vào thân cây, thồn thức. Một lát lấy tay chùm nước mắt, ngược đầu dậy, vẻ giận dữ) : Thằng Đại-Lực thật là tàn ác ! Cha càng hy sinh, nó càng lợi dụng. Cha đã ruồng bỏ tất cả, giang sơn, ngai vàng châu báu... thế mà vẫn chưa vừa, nó còn tìm cách đe sát hại cha nữa. Cha dạy con phải từ bi, nhưng từ bi sao được giữa loài lang thú. Tưới tình thương lên hận thù ? Không, phải lấy hận thù trả lại hận thù, lấy gươm giáo trả lời gươm giáo. Ta phải đi về Kinh-dô ngay mới được (đi ra, sực nhìn thấy con cừu đang bị cột bên gốc cây. Đi đến, mở giỏ nói với nó) : — Thôi, con hãy ở lại, tự liệu lấy mà sống. Hận thù chưa dứt ta còn trở lại cõi đời, tắm mình trong máu và nước mắt. (đi ra)

MÀN HẠ NHANH

(còn tiếp)

VĂN-HỌC PHẬT-GIÁO

ĐỆ-NHỊ KẾT-TẬP

Trong thời gian hai trăm năm, kể từ cuộc kết-tập đầu tiên cho đến khi vua A-dục (Asoka) tức vị, không có những biến thiên nào lớn lao xảy đến cho Phật-giáo cả. Đó là thời đại truyền-thống tương tục của năm vị Đại-Sư : Đại Ca-Diếp, A-nan-dà, Thương-Na Hòa-Tu, Mại-diễn-đia và Ưu-ba-cúc-đà. Tuy nhiên cũng có một việc cần phải ghi chép : Đó là cuộc kết-tập tại thành Tỳ-xá-Ly, tổ chức vào khoảng hơn một trăm năm sau ngày Phật nhập-diệt. Cuộc kết-tập này thường được gọi là Đệ-Nhị Kết-Tập. Khác với cuộc Kết-tập thứ nhất và thứ ba, cuộc Kết-tập này chỉ nhắm vào mục-dịch cùn soát lại giới luật, xét định về mười điều di-thuyết.

Tuy là việc nhỏ, nhưng đương thời đó lại là một việc quan trọng : cho nên các vị trưởng lão chủ yếu của giáo-hội từ bốn phương đều vân-tập về thành Tỳ-xá-Ly để cùng nghị

hội. Tất cả được đến bảy trăm vị, và vì thế, trong lịch-sử giáo-lý, cuộc Kết-tập này được gọi là Thất Bách Tập Pháp.

Người đứng ra đe chủ động cho cuộc kết-tập là tôn-giả Gia-Xá, đệ tử của tôn-giả Tát-Bà Ca-Ma — ngài này là đệ-tử của tôn-giả A-nan-dà. Như trên đã nói, mục đích của cuộc kiết-tập là xét định về mười điều di-thuyết trong giới luật do một số chư tăng ở Tỳ-xá-Ly xướng xuất, Kết quả của hội-nghị là xác định rằng mười điều ấy là phi-pháp và trái với giới luật Phật chế.

CÁC HỌC PHÁI

Sau cuộc Đệ-Nhị Kết-tập, trong giáo đoàn có sự ngầm ngầm phân làm hai phái, vì có một số đã bất mãn vì kết quả của Hội-nghị. Tuy-nhiên, sự phân chia đó phải đợi đến một trăm năm sau mới trở thành rõ rệt.

Theo truyền-thuyết của Bắc Phương Phật-giáo, nguyên nhân của sự phân phái là ngài Đại-Thiên (Ma-dinh

Bè-Bà. Vị cao-tăng này không chịu theo giáo-nghĩa truyền thống, lại xướng ra những thuyết khác mới hơn; nhiều cuộc tranh biện vì đây đã nỗi lên không ngừng, khiến cho chỉ trong vòng một thời gian ngắn thôi mà đã có đến hai mươi bộ phái khác nhau thành lập. Truyền-thuyết về ngài Đại-Thiên này có chính-xác hay không, ta chưa có thể quyết định được. Tuy-nhiên, có một sự thực mà không ai có thể phủ nhận: đó là sự phát triển của phong trào tự-do tư-tưởng. Phong trào này mạnh nha từ Đệ-nhị Kết-tập, ngầm ngầm chống lại với chủ nghĩa bảo-thủ và cuối cùng bộc phát khi ngài Đại-Thiên ra đời.

Theo Di-Bộ-Tôn-Luân-Luận, tác-phẩm của Thế-Hữu Đại-Sư (vào khoảng 400 năm sau ngày Niết-Bàn) thì vào thời vua A-dục, có ngài Đại-thiên xướng ra năm điều tân thuyết: vì sự tranh luận nên giáo hội phân làm hai phái: Phái tán thành năm điều ấy thì gọi là Đại-Chung-Bộ, phái phản đối gọi là Thượng-Tọa-Bộ. Do sự tranh luận ấy, Đại-Chung-Bộ đặc thế ở Trung Án-độ và Thượng-Tọa-Bộ phải dời lên thành Ca-Thấp-Di-La.

Như thế là trong Giáo-đoàn Phật-giáo đã chia ra hai bộ-phái căn-bản, một phái bảo thủ và một phái tự-do. Do phong trào tự-do tư-tưởng mà Đại-Chung-Bộ dần dần phân ra tám bộ phái: Nhất-Thuyết-Bộ, Thuyết-Xuất-Thế-Bộ, Kê-Dận-Bộ, Đa-Văn

Bộ, Thuyết-Giả-Bộ, Ché-Đa-Sơn-Bộ, Tây-Sơn-Trú-Bộ, và Bắc-Sơn-Trú-Bộ. Sau này trong Thượng-Tọa-Bộ cũng có sự biến đổi và phân làm mười một bộ: Nhất-Thiết-Hữu-Bộ, Độc-Tử-Bộ, Pháp-Thượng-Bộ, Hiền-Trụ-Bộ, Chánh-Lượng-Bộ, Mật-Lâm-Sơn-Bộ, Hóa-Địa-Bộ, Pháp-Tạng-Bộ, Âm-Quang-Bộ và Kinh-Lượng-Bộ.

Đứng về phương-diện tư-tưởng, đó thật là một quang cảnh tung-bừng xán-lạn. Nhưng cũng từ đây, chân-tưởng của giáo-lý nguyên-thủy đã bắt đầu ẩn chìm trong muôn ngàn sắc thái mới của các học-phái tân-lập. Nghiên-cứu về lịch-sử tư-tưởng Phật-giáo, chúng ta phải tìm hiểu tất cả những chủ-trương dị-đồng của hai mươi bộ-phái kia, và nguyên do của tất cả những chủ-trương dị-đồng ấy. Phật-giáo bộ phái đã không phải chính là bản-thân của Phật-giáo nguyên-thi, thì các tư-tưởng hệ Phật-giáo phát nguyên từ những bộ-phái ấy, dù là tiêu thừa hay đại thừa cũng đều không phải chính là Phật-giáo nguyên-thi. Cho nên, đứng về Phật-giáo Bắc-Tôn mà tự cho mình là "Đại", đứng về Phật-giáo Nam-Tôn mà cho mình là chính thống nguyên-thi, đều là những thái-độ không những không đứng đắn mà còn có hại cho bản thân của đạo Phật nữa. Đạo Phật đã tùy theo thời gian và không gian mà thích nghi với cuộc sống của các dân-tộc, những

điểm dị đồng về giáo-lý và phương-pháp là do những điểm dị đồng về căn-cơ mà có. Người Phật tử không nên do những sắc-thái đặc thù của các tư-tưởng-hệ Phật-giáo mà có ý-tưởng phân-biệt và phân-chia(1). Tuy nhiên danh từ Đại-Thừa và Tiều-Thừa trong lịch sử văn-học Phật-giáo là những danh từ đã được dùng để chỉ định hai hệ thống Phật-giáo cõi-hữu. Nghiên-cứu về giáo-sử, ta mới phải bắt đầu dùng đến hai danh từ ấy. Ngoài ra, sự áp dụng hai danh từ ấy trong nội bộ Phật-giáo lúc này chỉ có thể gây ra sự phân tán và hiếu lầm mà thôi.

Tạng Pali hiện tồn của Phật-giáo Nam-Tông cũng như Tạng Sanscrit hiện-tồn của Phật-giáo Bắc-Tông đều không phải được biên tập ngày sau ngày Phật nhập-diệt. Căn-cứ vào giáo-sử, nhất là căn cứ trên luận-vang, ta có thể định được thời-gian xuất hiện của các Kinh-diễn, phù hợp với các hệ thống giáo-lý thành lập. Những học-phái Phật-Học được tạo dựng đều có căn-cứ trên các Kinh-diễn cả. Sự xuất hiện chậm của một số Khế-kinh đại-thừa có thể do hai nguyên-nhân : Nguyên-nhân thứ nhất là những Khế-Kinh ấy bị các học-phái đang thịnh làm cho ẩn-tàng. Nguyên-nhân thứ hai là những căn-trí cao rộng phải đợi đến khi Hình Thức Chủ-Nghĩa dao-dộng tan rã mới tự mình thoát ra được để tiếp nhận giáo-

lý đại-thừa.

Thời gian phân chia thành hai mươi bộ phái chính là thời-gian mà hình-thức chủ-nghĩa dao-dộng để cho tự do chủ-nghĩa thoát hiện. Từ đây phái hình-thức cố duy trì lấy những giáo-diễn nào thích hợp với tinh-thần « hình-thức » của mình, trong khi đó, phái tự-do tiếp nhận luồng gió mới của các Kinh-diễn đại-thừa một cách hết sức bồng-bột.

Tuy nhiên, Phái hình-thức dù muốn dù không cũng phải biến cải theo nhu cầu của các dân tộc và các thời đại. Theo thời gian, tổ chức giáo-doàn, tổ chức giáo-chế và giáo-sản dần dần có những sắc-thái mới. Mỗi thời đại diễn dịch khế-kinh một cách khác nhau và trong nền văn-học Phật-giáo Nam-Tôn không phải là không có những sắc-thái mới lạ. Trong khi ấy, từ những thời đại thống trị bởi hình-thức chủ-nghĩa, tư-tưởng, tự-do thoát-thai và gặp được những khế-kinh lâu nay bị ẩn-tàng, đã bộc phát và kết quả là đã cống hiến cho Phật-giáo Bắc-Tôn những tư-tưởng-hệ siêu-việt, thích hợp nhiều với khả năng lý-trí của người phương-Bắc.

(Còn tiếp)

(1) Hội-nghị Phật-giáo Thế-giới tại Kathmandu vừa qua đã quyết định từ nay không dùng danh từ Đại-Thừa và Tiều-Thừa để gọi Phật-giáo Bắc-Tông và Nam-Tông nữa. L.T.S.

PHƯƠNG-PHÁP PHẬT - HỌC

(Tiếp theo)

Tư tưởng xấu luôn luôn đột hiện, kè ra chúng rất nhiều, nhiều hơn tư tưởng tốt bội phần. Phần nhiều chúng nhuộm màu sắc ngã ái, ngã mạn, ngã si, ngã kiến, và chính vì cái bản ngã ích kỷ nhỏ nhen ấy mà chúng mới hiện hình. Nghe một bài thuyết pháp xem một vở kịch xã hội, đọc một đoạn tiểu sử anh hùng, chúng ta hẳn có những tư tưởng đẹp, tư tưởng thương xót, từ bi, tư tưởng hy sinh rộng rãi. Nhưng cái tư tưởng ấy không ở lâu trong trí óc ta, chúng đi, và nhường chỗ cho những tư tưởng xấu.

Như thế, ta thấy rằng chúng sinh luôn luôn sống trong loạn-tưởng. Những tư-tưởng đẹp phát khởi và trưởng thành một cách khó khăn như chúng ta trồng hoa vậy. Tư-tưởng xấu phát khởi và hoạt động rất mạnh, rất chóng, ví như loại cỏ : chúng ta không muốn cỏ lên mà chúng cứ mọc lên đầy

cả vườn. Bởi thế, muốn cho mặt nước tâm hồn yên tĩnh, ta phải gạn-lọc tất cả các tư-tưởng, định chỉ những loạn tưởng. Loạn tưởng che lấp trí-tuệ.

Có rất nhiều phương pháp, để định chỉ tư-tưởng, mà trong đó có phương pháp ngũ tinh tâm quán, một phương- pháp thường được các nhà học Phật ở Á-Đông thực hành. Đó là năm lối quán :

1) **Sò túc quán** : Phép quán đêm hơi thở để điều phục thân tâm định chỉ ngay sự thác loạn của tâm hồn.

2) **Niệm Phật quán** : Quán phép niệm Phật, đem hình ảnh và đức hạnh của đức giác ngộ đặt trong tâm mình để soi sáng và xua đuổi vọng tưởng, nuôi dưỡng thiện-căn.

3) **Bắt tịnh quán** : Phép quán thân thè bắt tịnh để ngăn cấm các tư-tưởng dục vọng không cho nồi

lên và diệt trừ những tư tưởng
dục vọng đã nêu lên.

4) **Tử-Bi quán**: Phép quán để
làm phát triển tâm Tử-Bi, diệt
trừ và ngăn ngừa các tư tưởng sân
giận, oán hại.

5) **Nhân duyên quán**: Phép
quán muốn sự vật đều do nhân-
duyên tạo thành, để đừng quá chấp
ở sự trường cữu muôn vật, sảy nên
sự ràng buộc vào sự giả ảo dục-
vọng không bền bỉ.

Muốn thực hành các pháp ấy,
nhà Phật phải có đủ những điều
kiện cần thiết, như trì giới thanh-
tịnh, y thực vừa đủ, có một nơi
thanh-tịnh, bỏ những theo đuổi
bồng bột, gần gũi thiện tri thức,
hạn chế tham dục, phá các trở lực
bên trong, bỏ lòng oán-hận, đừng
ngủ nhiều, không hối hận, không
nghi ngờ. Ngoài ra những pháp
biết rõ cách điều tiết sự ẩn-
sáng, lựa chọn ngày giờ, cách ngồi,
cách điều hòa hơi thở, chọn phương
pháp... như một nhà bác học cần
đủ dụng cụ trong việc phát minh.

Chỉ và Quán tuy là hai nhưng
mà là một, vì chỉ để quán, và
quán để được chỉ, hai cái tương trợ
cho nhau để đưa hành-giả đến
chỗ định lại được tâm trí và để
ánh sáng giải thoát chiếu rõ trong
tâm hồn.

Cái lác dụng phân biệt, vong
tưởng, chỉ-quán-học gọi là giặc
(tâm vi lặc) vì nó đã làm giặc và

gây giặc cho tâm hồn. Đó là vong
tâm, chứ không phải chân tâm.
Dùng phương pháp chỉ quán để diệt
trừ vong tâm, phát khởi chân tâm,
phát khởi trí Hiện-lượng, để quán
triệt được thè tư tưởng của các pháp,
các Hiện-lượng của tâm rộng lớn.
Theo trình tự tam-vô lậu-học,
thì giới làm nguyên nhân phát sinh
ra Định, và Định lập với quán
làm nguyên nhân phát sinh ra tri-
huệ. Thế cho nên Trí Giới và
chỉ quán là những phương-pháp
để đạt đến Trí-Tuệ.

Sau khi đã nghiêm trì giới luật,
sự chướng ngại của thân tâm đã
giảm đi không phải là ít, người
hành giả mới đi đến nhập định,
định chỉ, tập trung tư tưởng, tinh
tọa tham thiền, để quán sát, để
tìm hiểu, trực nhận lấy cái bản
thè chân-như mà kinh luận của
Phật đã phương-liện chỉ dạy.

Lịch sử Phật giáo Á-đông đã
cho ta thấy nhiều vị cao-tăng ban
đầu thết học mà sau nhà thiền-
định chỉ quán được minh tâm kiến
tánh, hoát-nhiên khai ngộ. Các
vị ấy bỗng giảng kinh thuyết pháp
được một cách cực kỳ thần diệu,
thậm chí những kỹ-nghệ, thi họa
cũng siêu việt cả thế-nhân. Không
nhưng ở thời xưa như Ngài Huệ-
Năng tờ thứ sáu của thiền tôn
Á-đông, mà ngay ở đời nay cũng
vậy. Phương-pháp tinh tọa nhập
định không những chỉ là dành

riêng-chò các vĩ tu-sí nhât quyết tham thuyễn chứng đạo mà lại có thè là một phương pháp huấn-luyện tâm trí, rất thần-diệu cho tất cả mọi người. Nghiên-cứu về tâm-lý-học, về khoa-học, về triết học, dùng lối chỉ quán cũng sẽ có tiến bộ phi thường. Ví như trong khi về một hình ký-hà-học (*description géométrique*) ta thường thấy trí óc bạc nhược quá, lâu lầm mà không giải được cách họa hình cho chính xác. Nếu dùng lối tinh tọa tập trung tư-tưởng, chú tâm quán sát thì chỉ một lúc, các hình thái trên bức họa hiện ra rõ ràng như khi thấy các vật khác. Không còn phương pháp nào thần-diệu hơn để tìm hiểu các hiện-tượng tâm-lý, các hiện-tượng sắc pháp và vô vi pháp, bất-tương ưng-hạnh pháp, chân-tâm, vọng-tâm, chân-thú, sinh-diệt, tóm-lại, các hiện-tượng của Tâm-học Phật-Giáo vậy.

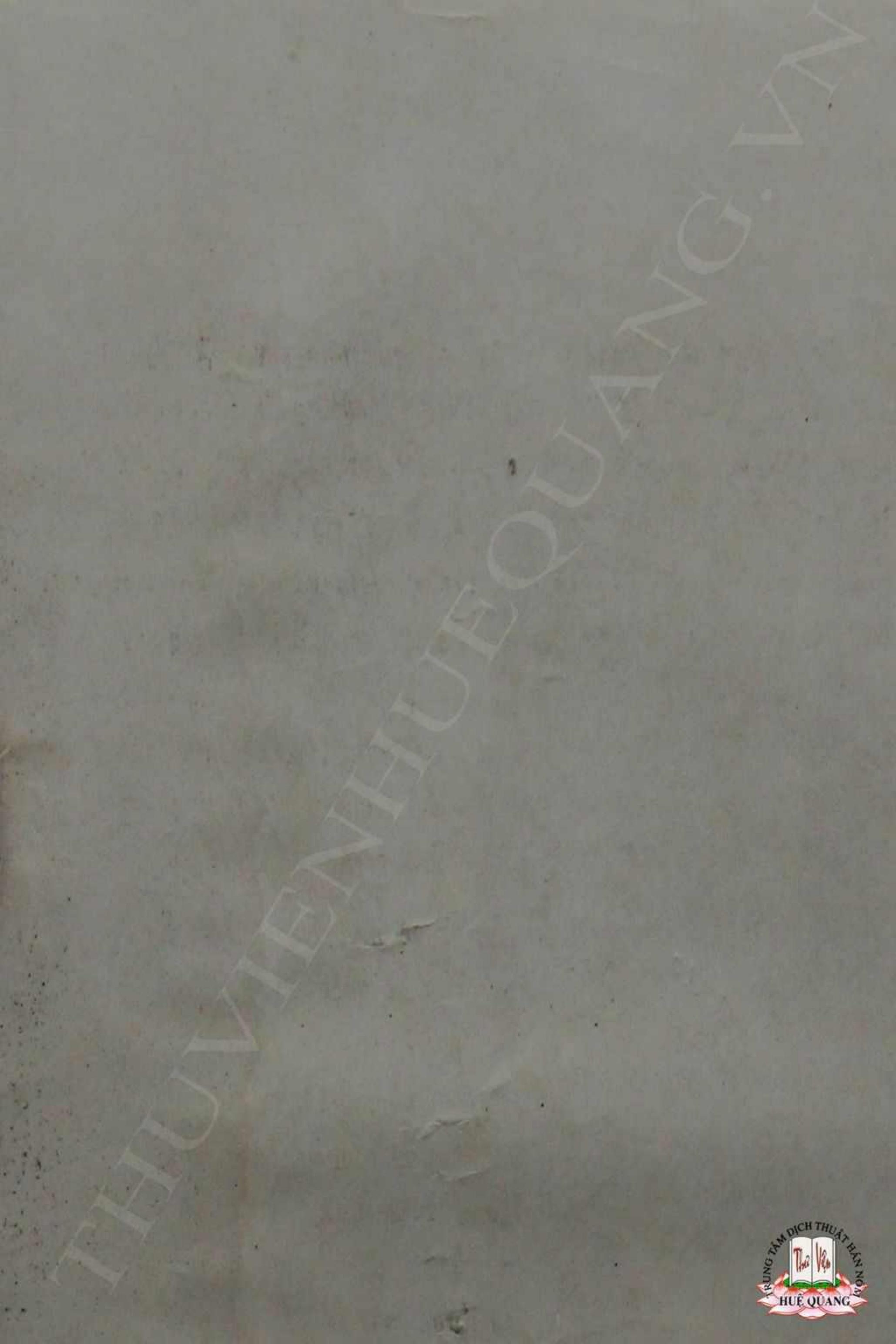
TỰ QUÁN VÀ THA QUÁN

Nghiên-cứu và tu chứng không những phải căn cứ trên thánh-giáo-lượng mà cần phải căn cứ trên các hiện-tượng vũ-trụ, những hiện-tượng của Tâm để xét đạo lý. Trước tiên phải lấy lời Phật dạy để soi vào sự-vật và soi vào chính-tâm mình để thấy được một il sự-thực mà thường ngày ta không nhận thấy được rõ ràng. Ví-dụ trong khi học về lý vô-thường vô-ngã chẳng hạn, ta phải căn cứ trên

sự-vật và trân-tâm mình để nhận xét xem lời Phật dạy phù hợp với sự-vật như thế nào. Một bên là lời Phật dạy, một bên là những đối-tượng nghiên-cứu, lấy lời Phật dạy để tìm hiểu các đối-tượng ấy, và lấy các đối-tượng ấy cùng với lý-trí mình chứng minh lời Phật dạy. Dùng phương-pháp chỉ-quán để làm các công-việc ấy.

Đứng vෙ mặt Tương-học, Phật-học chỉ dạy phép quán-sát tự và tha. Nghiên-cứu về tâm-học, một phần lớn phải chú trọng đến những hiện-tượng tâm-lý. Hiểu thật rõ những hiện-tượng của chính-tâm-trí chúng ta, ta mới có thể phá-trù được một số lớn những kiến-chấp sai-lầm vෙ-bản ngā, vෙ-đoạn-diệt... Diệt-trù được những phiền-não cản-bản thì sự-tìm-hiểu các hiện-tượng sắc pháp, vô vi pháp trở thành rất dễ dàng, vì những hiện-tượng ấy vẫn nằm gọn trong phần-thức căn-bản, là hiện-tượng của thức căn-bản (*Alatigia*) cũng như bảy-thức vẫn là hiện-tượng của thức căn-bản ấy. Không có phương-pháp nào để quán-sát các hiện-tượng tâm-lý hay hơn phương-pháp quán-chiếu-tự-tâm mà tâm-lý-học thường gọi là phương-pháp chủ-quan (*méthode subjective*) hoặc là nội-quan (*introspection*). Phương-pháp quán-chiếu-tự-tâm là một phương-pháp chính, bá-i-vì,

(còn nữa)



Nghị-định số 2009/P3 ngày 1-9-1956.

Tòa-Soạn và Quản-ly :

CHÙA ẨN-QUANG

635, đường Vạn-Hạnh Thiền-Sư

— CHỢ-
—

GIÁ BÁO :

Mỗi số 10\$00

Sáu tháng 55\$00

Một năm 110\$00

Phiếu mua báo, xin đề tên
đạo-hữu Nguyễn-văn-Thụ